|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN****TỈNH HÀ TĨNH**  Số: 3854/UBND-TH1V/v báo cáo kết quả thực hiện các nội dung chất vấn tại Kỳ họp thứ 8 HĐND tỉnh khoá XVII | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Tĩnh, ngày 17 tháng 6 năm 2019* |

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

 Thực hiện Kế hoạch số 271/KH-HĐND ngày 27/5/2019 của Thường trực HĐND tỉnh về chuẩn bị kỳ họp thứ 10 - HĐND tỉnh khoá XVII; Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả thực hiện các nội dung chất vấn tại Kỳ họp thứ 8 HĐND tỉnh khoá XVII, cụ thể như sau:

***I. Đối với các lĩnh vực, nhóm vấn đề dự kiến chất vấn trực tiếp tại Kỳ họp:***

***Câu hỏi 1.***

***- Thực trạng xử lý các dự án được giao đất, thuê đất vi phạm pháp luật; chậm đưa vào sử dụng, sử dụng không hiệu quả.***

***- Thực trạng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.***

***- Công tác thu hồi, đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường đối với các mỏ đã hết thời hạn khai thác; danh thắng Núi Hồng khu vực Nghi Xuân, Hồng Lĩnh, Can Lộc vẫn còn tình trạng khai thác đá, làm ảnh hưởng tới mỹ quan.***

***- Công tác quy hoạch, quản lý các hoạt động khai thác, sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường.***

***- Công tác bảo vệ môi trường.***

***- Tình trạng khai thác cát trái phép trên địa bàn tỉnh; nguyên nhân, trách nhiệm và giải pháp trong thời gian tới.***

***Nguyên nhân, trách nhiệm và giải pháp trong thời gian tới của các nội dung trên.***

**Trả lời:**

*1.1. Thực trạng xử lý các dự án được giao đất, cho thuê đất vi phạm pháp luật, chậm đưa đất vào sử dụng, sử dụng không hiệu quả*

Trong những năm qua, cùng với nỗ lực cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đã có nhiều dự án đầu tư được nhà nước giao đất, cho thuê đất (tính riêng 3 năm từ năm 2016 - 2018, UBND tỉnh đã giao đất, cho thuê đất 403 dự án đối với các tổ chức). Nhìn chung, phần lớn các dự án đã đầu tư đưa vào sử dụng, phát huy hiệu quả, giải quyết công ăn việc làm cho hàng ngàn lao động, góp phần hết sức quan trọng trong phát triển kinh tế, xã hội, tăng thu ngân sách. Bên cạnh đó, vẫn còn tình trạng một số dự án được giao đất, cho thuê đất nhưng để xảy ra vi phạm như chậm đầu tư, không đưa đất vào sử dụng. Để xử lý vấn đề này, thời gian qua, UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở, ngành thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, xử lý đối với các tổ chức sử dụng đất có vi phạm pháp luật về đất đai và đầu tư.

 Từ năm 2017-2018, đã chủ trì thành lập 03 Đoàn thanh tra, kiểm tra và thực hiện hơn 20 cuộc kiểm tra đột xuất để thanh tra, kiểm tra tại 75 tổ chức, cá nhân đã được thanh tra, kiểm tra với tổng diện tích là 242,06 ha. Qua thanh tra, kiểm tra, phát hiện 70 tổ chức có vi phạm như: Chậm đầu tư, không sử dụng đất, cho thuê sai quy định, sử dụng đất không đúng mục đích, lấn chiếm đất đai. Qua đó UBND tỉnh đã chỉ đạo xử lý theo quy định.

*\* Tồn tại, hạn chế:*

- Chính sách pháp luật đất đai thay đổi thường xuyên, ban hành quy định thiếu đồng bộ, thiếu chặt chẽ, chưa sát với thực tiễn, chế tài xử lý chưa đủ mạnh; việc thực thi pháp luật còn nhiều hạn chế.

- Tồn tại về quản lý, sử dụng đất qua nhiều năm, nhiều kỳ chưa được giải quyết cơ bản và thường xuyên phát sinh những vấn đề phức tạp, nổi cộm, khó xử lý.

- Môi trường đầu tư của tỉnh nhà chưa thực sự thu hút các Chủ đầu tư; một số Chủ Dự án xin giao đất, thuê đất nhằm để dự phòng chờ thời cơ thuận lợi mới triển khai, đầu tư (xảy ra Quy hoạch treo, Dự án treo), thậm chí có nhiều trường hợp đầu tư nhỏ giọt, xây dựng công trình sơ sài, sử dụng đất không đúng mục đích được giao, cho thuê, nhưng khi Kết luận vi phạm buộc thu hồi đất lại yêu cầu đền bù hoặc có khiếu kiện (nhất là các trường hợp được giao đất, cho thuê đất theo quy định của Luật đất đai 2003, các tổ chức thực hiện dự án đầu tư không phải ký quỹ; việc thẩm định về năng lực tài chính của doanh nghiệp còn thiếu chặt chẽ, tạo kẽ hở). Một số tổ chức, cá nhân sử dụng đất có biểu hiện coi thường công tác thanh tra, kiểm tra, cố tình không phối hợp hoặc chây ỳ không xử lý, khắc phục các tồn tại.

- Thủ tục hành chính giải quyết hồ sơ còn rườm rà, phức tạp, qua nhiều tầng nấc trung gian, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực.

- Công tác thanh tra, kiểm tra thiếu của các ngành, địa phương chưa thường xuyên, chưa kịp thời, hiệu quả thấp; sự phối hợp giữa các cấp, các ngành thiếu đồng bộ. Việc thực hiện kết luận thanh tra chưa triệt để.

- Đội ngũ làm công tác thanh tra, kiểm tra của Sở còn ít, không đủ đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ.

\* Giải pháp khắc phục:

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai, đảm bảo nhân lực, thời gian cho bộ phận thanh tra, kiểm tra; Đẩy mạnh việc thực hiện Chỉ thị 20/CT-TTg ngày 17/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh hoạt động thanh, kiểm tra đối với doanh nghiệp, Chỉ thị 01/CT-TTg ngày 03/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh, tăng cường công tác quản lý đất đai và xây dựng hệ thống thông tin đất đai; Kế hoạch số 125/KH-UBND ngày 14/2/2018 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg nêu trên.

- Tập trung công tác kiểm tra, thanh tra, kiên quyết xử lý thu hồi theo quy định đối với các dự án chậm đầu tư, không đưa đất vào sử dụng, lấn chiếm sử dụng đất trái pháp luật, xử lý nghiêm những tổ chức, cá nhân buông lỏng quản lý hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn để làm trái quy định trong quá trình thực thi nhiệm vụ; Phối hợp chặt chẽ với các ngành,các địa phương thực hiện thường xuyên công tác thanh tra, kiểm tra đối với các dự án được giao, cho thuê đất, trước mắt tập trung kiểm tra, tham mưu xử lý (31 đơn vị còn lại chưa kiểm tra) theo kiến nghị của Đoàn giám sát HĐND tỉnh tại văn bản số 62/BC-ĐGS ngày 10/7/2017 về kết quả giám sát chuyên đề “Công tác quản lý nhà nước về đất đai và môi trường trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2014-2016”...

*1.2. Thực trạng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*

*a) Kết quả công tác cấp, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh (đến ngày 31/5/2019):*

*- Về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình cá nhân được giao đất làm nhà ở sai thẩm quyền:* Đã giải quyết cấp được 9.765/10.027 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đạt 98,1% số trường hợp cần cấp, số còn lại 262 trường hợp chưa giải quyết được vì các vướng mắc chủ yếu liên quan đến không phù hợp quy hoạch, giao đất không đúng đối tượng, tranh chấp, khiếu nại và lấn chiếm hoặc không phối hợp xử lý hồ sơ, vắng mặt tại địa phương; Chỉ đạo UBND các huyện, thị xã thực hiện cấp giấy chứng nhận sau khi xử lý xong các tồn tại.

*- Về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu:* Đã giải quyết cấp được 65.980/66.623 giấy cần cấp, đạt 99% số nhu cầu cần cấp; số còn lại chưa giải quyết xong chủ yếu liên quan đến vướng mắc như tranh chấp đất đai, chủ sử dụng đất không phối hợp lập hồ sơ.

*- Về cấp đổi GCNQSD đất gắn với đo đạc bản đồ địa chính và xây dựng hồ sơ địa chính (tổng hợp đến ngày 31/3/2019):*

+ Về cấp giấy chứng nhận: Toàn tỉnh đã ký cấp đổi 426.161 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên tổng số 435.965 giấy cần cấp, đạt 97,8% so với nhu cầu cần cấp.

+ Về giao giấy CNQSD đất đến người sử dụng đất: Kết quả tổng hợp từ các địa phương, đến ngày 30/11/2018 đã giao 409.957 giấy/426.161 giấy đã ký, đạt 96,2% số giấy đã ký).

*b) Các tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:*

- Quá trình xử lý cấp GCN QSD đất cho hộ gia đình gặp nhiều khó khăn do tồn tại của quá trình thi hành Luật Đất đai từ trước và bất cập trong các quy định hướng dẫn (Luật và Văn bản hướng dẫn thay đổi, bổ sung liên tục); hệ thống hồ sơ quản lý qua các thời kỳ thiếu và chất lượng thấp (bản đồ, hồ sơ đo đạc theo Chỉ thị 299, Quyết định 371) nên việc giải quyết về đất ở, đất vườn, các trường hợp sử dụng đất trước ngày 18/12/1980 còn vướng mắc, chậm được giải quyết;

- Về thẩm quyền và trách nhiệm xử lý hồ sơ cấp GCN QSD đất cho hộ gia đình, cá nhân: Theo quy định của pháp luật đất đai thì thẩm quyền và trách nhiệm này thuộc UBND cấp huyện và cấp xã; thời gian qua, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường đã có nhiều văn bản chỉ đạo, trực tiếp làm việc tại các địa phương để kịp thời tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn nhưng nhìn chung tiến độ hoàn thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn chưa đáp ứng tiến độ đề ra điều đó thể hiện trách nhiệm của cấp ủy và chính quyền từ cấp xã đến cấp huyện chưa cao trong giải quyết vấn đề này;

- Một số đơn vị tư vấn tham gia công tác đo vẽ bản đồ, cấp và cấp đổi GCN QSD đất năng lực yếu, thiếu trách nhiệm trong việc xử lý dứt điểm việc cấp GCN: Việc này cũng có một phần trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc lựa chọn đơn vị tư vấn; thời gian qua, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở xử lý chấm dứt hợp đồng một số đơn vị, đồng thời bố trí các đơn vị sự nghiệp của Sở tiếp tục hoàn thành công tác cấp GCN;

- Việc bố trí kinh phí ở các cấp: Tổng kinh phí cấp giấy đổi chứng nhận theo dự toán đã được phê duyệt tại 12 huyện, thị xã (trừ thành phố Hà Tĩnh) là 97,42 tỷ đồng, trong đó: ngân sách cấp huyện 31,9 tỷ đồng, ngân sách cấp xã 28,4 tỷ đồng và đóng góp của người sử dụng đất là 37,12 tỷ đồng; tuy nhiên, đến nay theo báo cáo của các đơn vị tư vấn các địa phương mới bố trí cho đơn vị tư vấn khoảng 65 tỷ đồng, đạt 67% so với dự toán kinh phí được duyệt, trong khi khối lượng đã cơ bản hoàn thành).

- Đối với người sử dụng đất: Tình trạng đất ở vắng chủ tại khu vực đô thị khá lớn (không liên lạc được do không ở tại địa phương) nên kết quả cấp đổi và kết quả giao giấy chắc chắn không thể đạt 100%; những trường hợp này sẽ tiếp tục xử lý trong tác quản lý đất đai về lâu dài tại địa phương.

*c) Các giải pháp trong thời gian tới:*

- UBND tỉnh sẽ xem xét chỉ đạo UBND cấp huyện, cấp xã tiếp tục tập trung thực hiện hoàn thành cấp và cấp đổi GCN theo dự án đo vẽ bản đồ địa chính; đề án giao đất giao rừng; việc công nhận lại đất ở trước năm 1980; đồng thời yêu cấu các địa phương bố trí đủ kinh phí cho công tác này trong dự toán ngân sách năm 2019.

- Đề nghị HĐND cấp huyện và HĐND cấp xã giám sát việc thực hiện nhiệm vụ cấp GCN QSD đất của UBND các cấp và việc bố trí kinh phí (trích từ nguồn thu từ đất) từ ngân sách các cấp cho công tác này.

- UBND tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các địa phương tiếp tục rà soát các đơn vị tư vấn yếu kém để đề xuất địa phương chấm dứt hợp đồng, tìm đơn vị thay thế; tham mưu xử lý các trường hợp vướng mắc trong công tác cấp GCN.

*1.3. Lĩnh vực khoáng sản*

*a) Công tác thu hồi, đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường đối với các mỏ đã hết thời hạn khai thác*

Từ đầu năm 2019 đến nay, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan tiến hành kiểm tra thực địa tại 07 mỏ khoáng sản đã hết thời hạn khai thác nhưng chưa lập hồ sơ đóng cửa mỏ. Kết quả, đã quyết định đóng cửa đối với 04 mỏ khoáng sản chưa khai thác hoặc đã khai thác nhưng để lại bờ mỏ ổn định, trồng cây phục hồi môi trường. Đối với 03 mỏ còn lại sẽ tiếp tục chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường đôn đốc, yêu cầu các đơn vị thực hiện công tác đóng cửa mỏ, cải tạo phục hồi môi trường theo đúng quy định

Thời gian tới, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp tục yêu cầu các đơn vị đã được cấp giấy phép khai thác khoáng sản thực hiện nghĩa vụ về đóng cửa mỏ, cải tạo phục hồi môi trường; phối hợp các ngành chức năng, chính quyền địa phương liên quan kiểm tra, rà soát các mỏ đã hoàn thành công tác đóng cửa mỏ đề xuất UBND tỉnh ban hành quyết định đóng cửa mỏ để bàn giao đất cho địa phương quản lý. Đối với trường hợp doanh nghiệp bị giải thể, phá sản, sẽ lựa chọn đơn vị khác để thay thế đơn vị được cấp giấy phép thực hiện đóng cửa mỏ theo quy định.

*b. Về nội dung danh thắng núi Hồng khu vực Nghi Xuân, Hồng Lĩnh, Can Lộc vẫn còn tình trạng khai thác đá, làm ảnh hưởng tới mỹ quan*

Dọc hai bên Quốc lộ 1A đoạn qua huyện Can Lộc, thị xã Hồng Lĩnh và huyện Nghi Xuân hiện có 04 đơn vị đang khai thác đá, gồm: Tổng Công ty Hợp tác kinh tế, Công ty CP Công nghiệp VN 1, Công ty CP Huy Hoàng, Công ty CP Hồng Vượng (các khu vực mỏ có giấy phép đang còn hiệu lực, đang nằm trong Quy hoạch khoáng sản làm VLXD thông thường trên địa bàn tỉnh).

Theo Quy hoạch khoáng sản làm VLXDTT trên địa bàn tỉnh được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 431/QĐ-UBND ngày 06/02/2014, kỳ quy hoạch chỉ đến năm 2020, vì vậy để đảm bảo hài hòa lợi ích cho các doanh nghiệp, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị các Công ty thuê đơn vị tư vấn có năng lực thực hiện việc đo đạc, thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản còn lại tại các mỏ theo quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-BTNMT ngày 01/3/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Trên cơ sở kết quả đo đạc, thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản còn lại tại các mỏ, căn cứ công suất khai thác hàng năm theo giấy phép khai thác được cấp, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường tính toán, xác định thời gian khai thác còn lại trên thực tế xây dựng lộ trình chấm dứt hoạt động của các mỏ để tham mưu UBND tỉnh xem xét, xử lý.

Đối với các mỏ dọc Quốc lộ 8B cũ đã hết hạn khai thác, để góp phần phục hồi môi trường, cảnh quan núi Hồng Lĩnh, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường lập Dự án phục hồi môi trường, cảnh quan khu vực Hồng Lĩnh theo hình thức lấy thu bù chi, xin ý kiến Thủ tướng chính phủ để triển khai thực hiện.

*c. Công tác quản lý quy hoạch, quản lý các hoạt động khai thác, sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường*

Nhằm rà soát, đưa các khu vực khoáng sản đã được Quy hoạch ra đấu giá, cấp phép hoạt động, thực hiện tốt Quy hoạch khoáng sản làm VLXDTT trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành Văn bản số 342/TB-UBND ngày 26/10/2018, Văn bản số 368/HĐND ngày 16/11/2018 của HĐND tỉnh về việc rà soát tổng thể quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản làm VLXD thông thường;

Trên cơ sở các khu vực mỏ đề xuất bổ sung quy hoạch, từ tháng 3/2019 đến tháng 5/2019, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường, phối hợp với các ngành chức năng, chính quyền địa phương tổ chức kiểm tra thực địa tại tất cả khu vực các huyện, thị xã đề xuất. Kết quả, có 20 khu vực mỏ không thuộc các khu vực cấm, tạm cấm hoạt động khoáng sản và đảm bảo các điều kiện liên quan để bổ sung Quy hoạch.

Hiện nay, UBND tỉnh đang chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở ngành, địa phương kiểm tra cụ thể các khu vực bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường.

*d. Tình trạng khai thác cát trái phép trên địa bàn tỉnh*

UBND tỉnh đã ban hành Văn bản số 3841/UBND–NL2 ngày 12/3/2018 về việc tăng cường các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn vi phạm khai thác cát trái phép trên các tuyến sông và địa bàn giáp ranh giữa hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh; đồng thời chỉ đạo Công an tỉnh thành lập Tổ công tác liên ngành để kiểm tra hoạt động khai thác cát, sỏi trái phép trên địa bàn tỉnh. Kết quả trong năm 2018 và 03 tháng đầu năm 2019, Đoàn liên ngành của tỉnh đã bắt giữ, xử lý 279 vụ, 286 đối tượng, xử phạt hành chính số tiền 892,2 triệu đồng, trong đó khởi tố hình sự 01 vụ, 01 đối tượng. Ngoài ra, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường đã triển khai kiểm tra định kỳ hoạt động khoáng sản tại 07 mỏ cát đã được UBND tỉnh cấp phép và hoạt động khai thác cát trái phép tại địa bàn xã Phúc Đồng, huyện Hương Khê, qua kiểm tra đã lập biên bản xử phạt 02 đơn vị có hành vi vi phạm khai thác vượt công suất khai thác.

Để chấn chỉnh hoạt động khai thác cát trái phép trên địa bàn, UBND tỉnh đã chỉ đạo Công an tỉnh xây dựng Kế hoạch phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm, vi phạm pháp luật về khai thác tài nguyên, khoáng sản trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh và thành lập các Tổ công tác kiểm tra toàn diện hoạt động khai thác tài nguyên, khoáng sản. Kết quả, trong tháng 4 và tháng 5/2019 tuần tra, kiểm soát trên các tuyến đường thủy nội địa đã phát hiện, lập biên bản xử lý 279 trường hợp vi phạm, xử phạt trên 180 triệu đồng; đối với hoạt động khai thác, vận chuyển khoáng sản trái phép, đã đấu tranh, phát hiện 123 vụ, 153 đối tượng, thu giữ hơn 862m3 đất, cát; xử lý 87 vụ với tổng số tiền trên 250 triệu đồng, yêu cầu khắc phục lại hiện trạng khoảng 194 m3 tại 18 điểm khai thác.

*\* Giải pháp thời gian tới.*

- Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho các tổ chức, cá nhân về chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động khai thác, kinh doanh khoáng sản, tích cực tham gia phòng ngừa, đấu tranh ngăn chặn các loại tội phạm và hành vi vi phạm khai thác tài nguyên, khoáng sản trái phép; tổ chức ký cam kết chấp hành các quy định của pháp luật đối với các doanh nghiệp khai thác, vận chuyển trên địa bàn, đặc biệt là các doanh nghiệp mới.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả hoạt động các Tổ công tác liên ngành, các tổ công tác liên huyện để phối hợp đồng bộ trong kiểm tra, xử lý các đối tượng khai thác khoáng sản trái phép, đặc biệt là tại những địa bàn giáp ranh.

- Chỉ đạo UBND các huyện tập trung triển khai thực hiện các nội dung tại Quyết định số 27/2017/QĐ-UBND ngày 26/5/2017 của UBND tỉnh quy định về Quy chế phối hợp trong công tác quản lý hoạt động khai thác, vận chuyển, tập kết kinh doanh cát, sỏi lòng sông trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 26/5/2017 của UBND tỉnh về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động khai thác, vận chuyển, tập kết kinh doanh cát, sỏi lòng sông trên địa bàn tỉnh; kịp thời xử lý các vi phạm trong khai thác, vận chuyển, kinh doanh, tập kết cát sỏi trái phép.

- Xem xét chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu bổ sung các khu vực cát, sỏi xây dựng vào quy hoạch khoáng sản làm VLXD thông thường, làm cơ sở đấu giá quyền khai thác khoáng sản và cấp phép khai thác, góp phần đáp ứng nhu cầu cát xây dựng ngày càng tăng trên địa bàn và giảm tình trạng khai thác khoáng sản trái phép.

 *2.4. Công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh*

 *a) Thực trạng công tác BVMT:*

Thời gian qua, mặc dù UBND tỉnh đã quan tâm cao cho công tác bảo vệ môi trường, tuy nhiên, vấn đề môi trường trên địa bàn vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế:

*\* Vấn đề môi trường trong chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản*

Đối với lĩnh vực Nông nghiệp vấn đề môi trường đáng quan tâm nhất hiện nay là môi trường trong chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản. Toàn tỉnh hiện có 313 trang trại chăn nuôi tập trung; khoảng 122.821 hộ chăn nuôi lợn, bò quy mô vừa và nhỏ; lượng nước thải chăn nuôi khoảng 2,1 triệu m3 nước thải/năm... Tuy nhiên, thực tế cho thấy nhiều trang trại không đảm bảo tiêu chí khoảng cách tới khu dân cư, tới nguồn nước, nằm gần hồ đập quy hoạch cấp nước tưới tiêu, nước sinh hoạt; nhiều trang trại có công trình bảo vệ môi trường đã xuống cấp không đảm bảo hiệu quả xử lý chất thải; mới chỉ có 03 trang trại được xác nhận hoàn thành công trình BVMT. Những năm gần đây, UBND tỉnh đã chỉ đạo tập trung cao cho công tác kiểm tra, rà soát các trang trại chăn nuôi đặc biệt là các trang trại chăn nuôi xả thải vào nguồn nước; chỉ đạo Sở NN&PTNT thực hiện rà soát các vùng quy hoạch chăn nuôi trên thượng nguồn các hồ nước lớn đặc biệt là các hồ cấp nước sinh hoạt để đề xuất lộ trình đưa ra khỏi quy hoạch hoặc có giải pháp phù hợp nhằm hạn chế ảnh hưởng đến môi trường, nguồn nước.

Hoạt động Nuôi trồng Thuỷ sản(NTTS) trong thời gian qua có những thời điểm phát triển khá ồ ạt, diện tích NTTS trên địa bàn tỉnh tăng nhanh, tính đến nay diện tích xin thuê đất NTTS trên 740 ha trong đó diện tích đã nuôi khoảng 477ha. Tuy nhiên, thực tế cho thấy tình trạng nuôi trồng thủy sản ngoài vùng quy hoạch vẫn đang diễn ra (diện tích nuôi ngoài vùng QH khoảng 44ha); một số vùng quy hoạch NTTS gần với khu du lịch biển tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm môi trường cho các điểm du lịch. Việc chấp hành pháp luật của nhiều cơ sở nuôi trồng thủy sản chưa cao, hiện nay mới chỉ có duy nhất Công ty Sao Đại Dương có giấy phép xả thải vào nguồn nước. Nhiều các cơ sở chưa đầu tư các công trình xử lý nước thải theo đúng nội dung Báo cáo ĐTM/Đề án BVMT được phê duyệt, không bố trí ao lắng hoặc ao lắng không đảm bảo khả năng chứa và lắng lọc nước thải, không đảm bảo hiệu quả xử lý; một số cơ sở xả nước thải chưa qua xử lý ra môi trường, gây ô nhiễm môi trường.

 *\* Vấn đề rác thải sinh hoạt*

Đáng quan tâm nhất hiện nay vẫn là vấn đề về rác thải sinh hoạt. Theo thống kê năm 2018, tổng lượng rác phát sinh trên địa bàn tỉnh khoảng 237.844tấn/năm (tương đương 652 tấn/ngày). Trên địa bàn đã đầu tư 2 nhà máy đang hoạt động xử lý rác thải sinh hoạt ở Cẩm Quan, Cẩm Xuyên (với công suất thực tế 140 tấn/ngày, theo thiết kế là 200 tấn/ngày) và ở Kỳ Tân, Kỳ Anh (công suất thực tế 80 tấn/ngày, theo thiết kế 240 tấn/ngày). 02 nhà máy này đủ điều kiện xử lý rác cho các địa phương từ TP Hà Tĩnh trở vào. Riêng các huyện từ Thạch Hà trở ra phía Bắc và các huyện miền núi phía Tây đang rất khó khăn trong vấn đề xử lý rác thải cả về trước mắt và lâu dài.

 Ngoài 02 khu xử lý quy mô lớn nói trên, hiện tại đã có 6 bãi chôn lấp hợp vệ sinh đang hoạt động[[1]](#footnote-1) ; 07 lò đốt độc lập đã lắp đặt vận hành, tuy nhiên hiện chỉ còn 4 lò đang hoạt động[[2]](#footnote-2), 3 lò đã dừng hoạt động[[3]](#footnote-3). Từ năm 2017 đến nay, tỉnh đã cho chủ trương lắp đặt thêm 7 lò đốt[[4]](#footnote-4), tuy nhiên đến nay vẫn chưa triển khai lắp đặt. Bên cạnh đó, còn có 04 bãi chôn lấp tự phát[[5]](#footnote-5) ở các địa phương hiện đang rà soát chuyển đổi hình thức lò đốt hoặc ngừng tiếp nhận rác để xử lý tồn tại. Lượng rác thải còn lại đang được thu gom về các điểm trung chuyển[[6]](#footnote-6) ở tại các xã và xử lý theo hình thức đốt hoặc chôn lấp.

***Tuy nhiên qua đánh giá hiện trạng về thu gom, xử lý rác thải trên địa bàn tỉnh cho thấy vấn đề rác thải hiện nay còn nhiều bất cập:***

- Công tác phân loại rác tại nguồn triển khai chậm; đối với một số địa phương có triển khai hiệu quả chưa cao, chưa duy trì được, một phần do người dân chưa quan tâm, chính quyền cũng chưa sâu sát trong việc kiểm tra, giám sát thực hiện; một số địa phương có triển khai nhưng cách thức triển khai không phù hợp (xã Sơn Giang- Hương Sơn).

- Hiện trạng các khu xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn chưa đáp ứng được lượng rác thải phát sinh đặc biệt là ở khu vực phía Bắc; do đó việc thu gom rác thải chưa triệt để, tình trạng chất thải rắn sinh hoạt vứt bừa bãi, tùy tiện, tập kết tại các điểm trái phép, dọc trục đường giao thông vẫn đang xảy ra ở nhiều địa phương đặc biệt là các địa phương chưa có khu xử lý như Đức Thọ, Hương Khê, gây ô nhiễm môi trường và mất mỹ quan. Trong khi đó chế tài xử phạt chưa phù hợp nên không khả thi trong việc áp dụng thực hiện.

- Các bãi chôn lấp tự phát ở các địa phương không đảm bảo các tiêu chí về khoảng cách tới khu dân cư, tới nguồn nước, không đầu tư công trình BVMT gây ô nhiễm môi trường; Bãi rác Thiên Cầm đã ngừng tiếp nhận rác từ năm 2015 nhưng đến nay chưa làm thủ tục đóng cửa; Bãi rác Xuân Thành đã quá tải nhưng chưa có phương án xử lý dứt điểm; Một số điểm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt với quy mô khá lớn đã sử dụng từ trước đến nay hiện vẫn còn tồn đọng rác chưa có phương án xử lý dứt điểm (gồm bãi trung chuyển rác xã Cẩm Lạc và Cẩm Sơn; Kỳ Bắc…); tại một số địa phương như Thạch Hà, Can Lộc, Đức Thọ, Hương Sơn, Vũ Quang, Hương Khê, Kỳ Anh và các xã ngoại thành thành phố Hà Tĩnh tình trạng rác tồn đọng tại điểm trung chuyển khá nhiều, tập kết ngổn ngang, tình trạng xử lý tại chổ bằng đốt thủ công/chôn lấp hoặc vừa đốt vừa chôn lấp đang diễn ra khá phổ biến ở hầu hết các điểm trung chuyển gây nguy cơ ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng đến cảnh quan đô thị/nông thôn.

- Công tác xã hội hóa dịch vụ môi trường còn chậm, gặp nhiều khó khăn, đặc biệt cơ chế tài chính, vốn, thủ tục, mô hình hoạt động, mô hình quản lý, đánh giá hiệu quả đầu tư,…; hình thức hợp tác công - tư trong đầu tư chậm được triển khai; các dự án khu xử lý chất thải rắn công nghệ cao chủ yếu mới chỉ dừng lại ở giai đoạn thăm dò, khảo sát. Các cấp chính quyền chưa có nhiều chương trình huy động sự tham gia của cộng đồng trong quản lý chất thải rắn...

*b) Nguyên nhân:*

- Ở các huyện miền núi có địa bàn rộng, dân cư phân bố không tập trung nên việc tổ chức thu gom gặp nhiều khó khăn;

- Việc thu phí từ các hộ gia đình, cá nhân không đủ đảm bảo cho hoạt động của các HTX môi trường do đó không khuyến khích được hoạt động dịch vụ thu gom rác thải.

- Đối với các nhà máy được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước: chi phí vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt quá cao.

- Việc đầu tư các khu xử lý mới còn nhiều vướng mắc do khó tìm được địa điểm phù hợp và không được sự đồng thuận của người dân.

- Đối với các lò đốt rác độc lập quy mô nhỏ chỉ là giải pháp tình thế để xử lý tình trạng rác thải tồn đọng ở các địa phương; về lâu dài không thể đáp ứng yêu cầu.

- Phân bổ ngân sách cho công tác thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải giữa các địa phương chưa phù hợp.

- Các địa phương chưa thực sự quyết liệt trong việc xử lý các vấn đề tồn đọng về rác thải.

*4.3. Về trách nhiệm:*

- Trách nhiệm chính trong việc để xẩy ra các vấn đề ô nhiễm môi trường nhất là tình trạng rác thải ở các địa phương gây bức xúc trong dư luận thời gian qua thuộc về cấp ủy, chính quyền các địa phương chưa thật sự quyết liệt trong công tác lãnh đạo chỉ đạo, một thời gian dài chưa quan tâm đến vấn đề môi trường nói chung và rác thải nói riêng.

- Một số Sở, Ngành chức năng chưa sát sao trong việc chỉ đạo triển khai các quy hoạch, đề án có liên quan như chậm triển khai Quy hoạch chất thải rắn (theo Quyết định 418/QĐ-UBND của UBND tỉnh); chậm rà soát, sửa đổi quy hoạch chăn nuôi để đảm bảo các tiêu chí môi trường... Sở Tài nguyên và Môi trường chưa tham mưu kịp thời, chủ động đề xuất các giải pháp quyết liệt để xử lý các tồn tại trong công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

- Ý thức của một bộ phận người dân, doanh nghiệp trong việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường còn hạn chế.

*c) Đề xuất giải pháp trong thời gian tới*

- Trước hết cần rà soát, điều chỉnh Quy hoạch quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 cho phù hợp với tình hình hiện nay trong đó lồng ghép cả quy hoạch quản lý chất thải rắn nông thôn; ưu tiên quy hoạch khu xử lý chất thải rắn liên huyện khu vực phía Bắc.

- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa về bảo vệ môi trường, kêu gọi các nhà đầu tư tham gia đầu tư các khu xử lý chất thải rắn; ưu tiên các nhà đầu tư có năng lực tài chính, kinh nghiệm.

- Đầu tư kinh phí cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới các khu xử lý chất thải rắn hợp vệ sinh theo quy hoạch được duyệt; kịp thời đóng cửa các bãi rác gây ô nhiễm môi trường.

- Xem xét đánh giá hiệu quả việc đầu tư lò đốt quy mô liên xã ở khu vực nông thôn vùng miền núi để tiết kiệm quỹ đất, giảm chi phí xử lý. Tuy nhiên xét về lâu dài giải pháp cơ bản là phải đầu tư Nhà máy xử lý quy mô công nghiệp, hiện đại với công suất xử lý khoảng 200 đến 250 tấn/ngày-đêm để xử lý rác thải tập trung cho các huyện, thị xã phía Bắc (cần thiết có thể nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch đã có).

- Tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân về phân loại rác tại nguồn bằng nhiều hình thức; Khuyến khích người dân thực hiện phân loại rác tại nguồn bằng cách: giảm giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải; hỗ trợ chế phẩm, thiết bị phục vụ phân loại rác cho các hộ dân thực hiện ủ phân từ rác hữu cơ dễ phân hủy.

- Chỉ đạo các địa phương rà soát lại các bãi trung chuyển, điểm tập kết rác trên địa bàn, có phương án đóng cửa hoặc chuyển đổi mục đích sử dụng đối với những điểm tập kết không cần thiết; bổ sung các điểm cần thiết ở vị trí phù hợp (VD ở thị xã Kỳ Anh cần bố trí bãi trung chuyển dự phòng trường hợp nhà máy xử lý gặp sự cố không tiếp nhận rác)

***Câu hỏi 2.***

***- Công tác kiểm tra, kiểm soát chất lượng giống, vật tư nông nghiệp.***

***- Hiệu quả của các mô hình phát triển sản xuất; kết quả cụ thể về các sản phẩm chủ lực của tỉnh thời gian qua; kết quả thực hiện các chính sách liên kết, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.***

***- Tình trạng sản xuất, chăn nuôi ngoài quy hoạch; vấn đề cung cầu và thị trường đầu ra cho sản phẩm.***

***Nguyên nhân, trách nhiệm và giải pháp trong thời gian tới của các nội dung trên.***

**Trả lời:**

*2.1. Kết quả cụ thể về kiểm tra, kiểm soát, quản lý chất lượng về giống, vật tư nông nghiệp vụ Xuân 2019 và vụ Hè Thu 2019 đến nay:*

- 13/13 huyện, thị xã, thành phố đã hoàn thành việc Thông báo công khai rộng rãi danh sách các cơ sở sản xuất, kinh doanh đủ điều kiện (xếp loại A, B) và các cơ sở không đủ điều kiện (xếp loại C) trên các phương tiện thông tin đại chúng, tại các địa điểm sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư để khuyến cáo người dân biết và lựa chọn khi mua các loại hàng hóa, VTNN. Rà soát, thống kê, lập danh sách cơ sở 1.037 cơ sở sản xuất, kinh doanh về giống, VTNN, gồm: 92 cơ sở SXKD giống; 450 cơ sở thức ăn chăn nuôi; 528 cơ sở kinh doanh phân bón; thuốc BVTV: 528 cơ sở và thuốc Thú y: 217 cơ sở (100% đã cấp giấy đủ điều kiện).

- Từ tháng 12/2018 đến nay, các đoàn kiểm tra cấp tỉnh, cấp huyện tiến hành kiểm tra đối với 385 cơ sở sản xuất, kinh doanh giống, VTNN đầu mối; lấy 117 mẫu các loại VTNN để kiểm tra chất lượng và kết quả cụ thể:

+ Vụ Xuân 2019: Lấy 86 mẫu (50 mẫu giống lúa, 02 mẫu giống ngô, 06 mẫu giống rau, 02 mẫu giống lạc, 14 mẫu thức ăn chăn nuôi, 12 mẫu phân bón) để kiểm tra chất lượng. Kết quả kiểm nghiệm 86/86 mẫu (100%) đạt chất lượng theo quy định.

+ Vụ Hè Thu 2019: Tính đến ngày 07/6/2019 đã lấy 31 mẫu (25 mẫu giống lúa và 06 mẫu phân bón) đang chờ kết quả kiểm nghiệm; Đoàn kiểm tra đang tiếp tục lấy mẫu kiểm tra chất lượng hàng hóa VTNN phục vụ sản xuất Vụ Hè Thu.

- Thông qua quá trình kiểm tra đã phát hiện và ra quyết định xử phạt hành chính 16 cơ sở sản xuất, kinh doanh hàng hóa VTNN vi phạm các quy định về điều kiện kinh doanh, như: buôn bán thuốc BVTV ngoài danh mục, buôn bán thuốc BVTV thuốc quá hạn sử dụng, vi phạm phương tiện đo lường, nhãn mác sản phẩm, … (trong đó: Cấp tỉnh xử phạt 02 cơ sở và cấp huyện xử phạt 14 cơ sở).

 - Thực hiện việc kiểm tra trách nhiệm công vụ, quản lý nhà nước về chất lượng hàng hóa VTNN thuộc cấp xã, huyện: Qua kiểm tra cơ bản các địa phương triển khai đầy đủ các nội dung QLNN, trong đó một số địa phương đã chủ động trong việc kiểm tra, xử lý vi phạm (Thạch Hà, TP Hà Tĩnh...), quy định phân công đến cấp xã, phối hợp nhiệm vụ giữa các phòng, ban cấp huyện. Tuy nhiên, ở một số địa phương còn hạn chế cơ bản như: Công tác tuyên truyền chưa thực sự quyết liệt, hiệu quả; UBND cấp xã còn lúng túng trong quản lý nhà nước, việc thành lập các đoàn kiểm tra mang tính hình thức; thanh tra, xử lý vi phạm ở cấp cơ sở đang chủ yếu nhắc nhở hoặc xử lý các vi phạm nhẹ nên chưa đủ sức răn đe,...

*\* Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong thời gian tới*

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về kiểm tra, kiểm soát, quản lý về chất lượng giống, VTNN theo Kế hoạch 59/KH- UBND ngày 07/3/2019 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch hành động đảm bảo chất lượng ATTP trong lĩnh vực nông nghiệp 2019, trong đó tập trung:

- Chỉ đạo kiểm tra việc thực thi công vụ, về trách nhiệm về quản lý vật tư nông nghiệp của cấp huyện, xã theo phân công, phân cấp theo Quyết định 58/2015/QĐ-UBND ngày 23/11/2015 của UBND tỉnh về Quy định phân công, phân cấp quản lý nhà nước về chất lượng hàng hóa trên địa bàn tỉnh; kịp thời đánh giá, bổ cứu, tham mưu điều chỉnh quy định phù hợp với thực tiễn sản xuất.

- Tiếp tục tăng cường chỉ đạo, chẩn chỉnh và bổ sung nguồn lực cho công tác tác thanh tra chuyên ngành, ưu tiên chuyển mạnh từ thanh tra theo kế hoạch sang thanh tra đột xuất các cơ sở kinh doanh VTNN, xử lý nghiêm vi phạm.

- Tiếp tục tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà nước các cấp; tuyên truyền, phổ biến đến các đơn vị, người dân các quy định về hoạt động sản xuất, kinh doanh và sử dụng giống, VTNN; công khai danh sách các cơ sở kinh doanh giống, VTNN không đủ điều kiện hoặc bị đình chỉ sản xuất kinh doanh để người dân được biết.

- Khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp có thương hiệu, uy tín đầu tư xây dựng hệ thống đại lý, cửa hàng cung ứng trực tiếp hàng hóa giống, vật tư nông nghiệp giá cả phù hợp, cam kết đảm bảo chất lượng cho người dân trên địa bàn tỉnh.

*2.2. Tình hình, kết quả phát triển các mô hình sản xuất trên các lĩnh vực, sản phẩm hàng hóa nông nghiệp chủ lực của tỉnh trong 6 tháng đầu năm 2019:*

*\* Lĩnh vực Trồng trọt: Các mô hình liên kết sản xuất lúa hàng hóa, giống chất lượng, cây ăn quả thâm canh, VietGAP tiếp tục được nhân ra diện rộng.*

- Lúa: Sản xuất vụ Xuân tiếp tục được mùa trong điều kiện gặp khó khăn về thời tiết, nắng nóng kéo dài; mở rộng mô hình sản xuất lúa “cánh đồng lớn” liên kết bao tiêu, thu mua gắn với nhà máy chế biến gạo của Công ty KC Hà Tĩnh với các giống ngắn ngày, chất lượng cao (như giống J02, DQ11, TBR 27, Bắc thơm 7) đạt 150ha (tăng 25% so với cả năm 2018) trên 2 huyện: Can Lộc (50 ha), Thạch Hà (100 ha), góp phần nâng diện tích đạt 59.460ha (đạt 101,0% KH), năng suất bình quân trên 56,06 tạ/ha, sản lượng đạt trên 33,33 vạn tấn (đạt 101,7% KH).

- Cây ăn quả: Diện tích trồng mới đạt 226 ha, trong đó: Cam 122 ha, nâng tổng diện tích lên 6.714 ha; bưởi 104 ha, nâng tổng diện tích lên 3.164 ha; các mô hình đăng ký triển khai sản xuất cam, bưởi Phúc Trạch áp dụng quy trình thâm canh đạt chứng nhận VietGAP năm 2019 đạt trên 628,2ha (năm 2018 đạt 142,7ha).

- Chè công nghiệp: Tiếp tục duy trì phát triển chuỗi liên kết trồng chè thâm canh, gắn với các cơ sở thu mua, chế biến và xuất khẩu của Công ty CP chè Hà Tĩnh với diện tích trên 1.200ha, trong đó diện tích chè đạt chứng nhận VietGAP đạt trên 502,9 ha (chiếm 41,9% tổng diện tích chè hiện có).

- Rau củ quả: Duy trì và phát huy hiệu quả các mô hình, vùng sản xuất rau an toàn, góp phần diện tích gieo trồng rau vụ Xuân 2019 đạt 5.314ha (tăng 5,1%), năng suất bình quân 73,08 tạ/ha, sản lượng ước đạt 38.833 tấn (tăng 4,9% so với cùng kỳ 2018). Dự án sản xuất nông nghiệp công nghệ cao trên cát (FLC) giai đoạn 1 đang được đẩy nhanh tiến độ, đến nay đã trồng được 5ha cây thanh long và xây dựng trụ được 15ha trụ, phấn đấu năm 2019 nâng tổng diện tích trồng thanh long đạt 25ha.

*\* Lĩnh vực Chăn nuôi: Duy trì các mô hình chăn nuôi đại gia súc, gia cầm quy mô lớn, nuôi công nghiệp, giảm hình thức chăn nuôi nông hộ, gia trại*

*- Lợn:* Tiếp tục tập trung duy trì sản xuất 145 cơ sở chăn nuôi liên kết khép kín với các doanh nghiêp (C.P 74 cơ sở, KSTM 67 cơ sở, Golden star 04 cơ sở) và 37 mô hình, cơ sở chăn nuôi lợn nái ngoại (quy mô 300 con trở lên) với tổng đàn trên 20.090 con nhằm đảm bảo nguồn giống chất lượng cho khôi phục, tái đàn ngành chăn nuôi lợn sau khi đợt bệnh dịch tả lợn Châu Phi được kiểm soát.

*- Bò:* Chương trình Zêbu hóa đàn bò, nâng cao tầm vóc, chất lượng đàn được đẩy mạnh, tỷ lệ bò lai Zebu hiện chiếm trên 50% tổng đàn; các dự án bò sữa của Công ty Vinamilk đang duy trì ổn định quy mô thả nuôi 2.550 con, năng suất sữa bò nuôi tại Sơn Lễ khá cao, trung bình 22 lít/con/ngày.

*- Hươu:* Hình thành 400 mô hình chăn nuôi hươu thâm canh (quy mô từ 10 con trở lên), góp phần nâng tổng đàn đạt trên 35.500 con; từ tháng 2/2019 sản phẩm hươu Hương Sơn đã được Bộ Khoa học và CN cấp giấy CNĐK chỉ dẫn địa lý và Luật Chăn nuôi đã bổ sung quy định hươu sao là đối tượng nuôi quản lý, sẽ góp phần thúc đẩy phát triển, chế biến sâu các sản phẩm nhung hươu trong thời gian tới.

*- Gia cầm:* Chăn nuôi gia cầm phát triển khá mạnh, tổng đàn 8.774 ngàn con tăng 9,4% so cùng kỳ, trong đó đàn gà 7.300 ngàn con tăng 14% so cùng kỳ.

*\* Lĩnh vực Lâm nghiệp:* Phát triển các mô hình liên kết trồng rừng thâm canh, tập trung đáp ứng nguồn nguyên liệu cho các nhà máy chế biến gỗ MDF, HDF Vũ Quang (quy mô công suất trên 120.000m3/năm) sau khi chính thức hoàn thành xây dựng và đưa vào sản xuất từ quý I/2019. Trong 6 tháng đầu năm, trồng được 1.700 ha rừng sản xuất; sản lượng khai thác gỗ rừng nguyên liệu ước đạt trên 103.000 m3.

*\* Lĩnh vực Thủy sản:* Tiếp tục phát triển các mô hình sản xuất nuôi tôm thâm canh, công nghệ cao trên cát, diện tích tôm đã thả được 1.732 ha (chiếm 90% diện tích nuôi mặn, lợ; đội tàu hoạt động tại vùng lộng, vùng khơi (chiều dài từ 12m đến dưới 15m) đạt trên 642 chiếc và hoạt động xa bờ (chiều dài từ 15m trở lên) đạt 139 chiếc, góp phần đưa ngành thủy sản duy trì mức tăng trưởng cao cả về sản lượng nuôi trồng và khai thác, 6 tháng đầu năm ước đạt trên 22.900 tấn, tăng 14,9% so với cùng kỳ.

*- Về xử lý mô hình nuôi cá mú trên cát:* Sau kỳ họp thứ 8, HĐND tỉnh đến nay, có 01/5 nhà đầu tư (Công ty Tiến Đạt) đề nghị xin chuyển đổi quy hoạch sang nuôi tôm; UBND tỉnh đã có các Văn bản số 1448/UBND-NL ngày 18/3/2019, số 1690/UBND-NL ngày 04/4/2019 giao các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và đầu tư, Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, soát xét, hướng dẫn các nhà đầu tư thực hiện quy trình, thủ tục điều chỉnh quy hoạch diện tích nuôi cá mú, cá bơn sang nuôi tôm; đến nay: Sở Nông nghiệp và PTNT đã rà soát, báo cáo đánh giá tổng kết mô hình (Văn bản số 841/SNN-TSngày 17/5/2019); Sở Tài chính đã có Văn bản số 1385/STC-TCDN ngày 26/4/2019 báo cáo việc xử lý chính sách hỗ trợ nuôi cá bơn, cá mú, tôm công nghệ cao và đề xuất hướng xử lý chính sách đối với dự án của Công ty CP Xây dựng Tiến Đạt và Công ty CP Xây lắp Thành Vinh.

*\* Một số khó khăn, hạn chế chủ yếu*

- Điều kiện thời tiết, dịch bệnh diễn biến bất thường đã và đang ảnh hưởng đối với phát triển các mô hình sản xuất nông nghiệp, rõ nhất trong trong 6 tháng đầu năm 2019, ngành chăn nuôi lợn đang gặp rất nhiều khó khăn, thách thức do dịch tả lợn Châu Phi diễn biến phức tạp, có nguy cơ bùng phát diện rộng, trong khi thị trường tiêu thụ không ổn định, giá nhiều mặt hàng nông sản xuống thấp.

- Quy mô, số lượng mô hình sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị chiếm tỷ lệ còn ít, đang ở diện hẹp, việc nhân rộng gặp nhiều khó khăn; sản xuất chưa gắn với bảo quản, chế biến và thị trường tiêu thụ sản phẩm.

***Định hướng, giải pháp thời gian tới:***

*\* Một số giải pháp tổng thể:*

- Tiếp tục chỉ đạo, kiên trì thực hiện các nhiệm vụ, định hướng, giải pháp theo Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh giai đoạn 2019-2020 và những năm tiếp theo (Quyết định số 786/QĐ-UBND ngày 18/3/2019), gắn với đẩy mạnh thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, Chương trình phát triển "Mỗi xã một sản phẩm”, trong đó: chú trọng tập trung phát triển các mô hình liên kết sản xuất các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực theo 3 nhóm sản phẩm, gồm: sản phẩm thuộc danh mục chủ lực quốc gia (tôm, thịt lợn, gia cầm, gỗ và các sản phẩm từ gỗ); nhóm chủ lực cấp tỉnh (Cam chanh, cam Bù, bưởi Phúc Trạch, chè,…) và các sản phẩm chủ lực đặc sản cấp vùng, miền, gắn với sản phẩm OCOP.

- Tập trung tuyên truyền, triển khai có hiệu quả các Chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị quyết số 123/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh và chính sách của Trung ương đã ban hành như: Nghị định 57/2018/NĐ-CP ngày 17/04/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 về Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp,…

- Tiếp tục tăng cường, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, sản phẩm, mô hình sản xuất nông nghiệp. Khuyến khích xây dựng và nhân rông các mô hình ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất; đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, kiểu dáng mẫu mã, chất lượng sản phẩm, phát triển chuỗi tiêu thụ nông sản.

*\* Tiếp tục chỉ đạo triển khai các giải pháp tháo gỡ vướng mắc, khắc phục, phát huy hiệu quả ở các mô hình, dự án phát triển sản xuất đang gặp khó khăn, như:*

- Rau củ quả trên cát: Tiếp tục đôn đốc đẩy nhanh tiến độ Dự án nông nghiệp công nghệ cao FLC theo đúng Kế hoạch cam kết đầu tư.

- Mô hình nuôi cá mú trên cát: Tiếp tục chỉ đạo các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính kiểm tra, soát xét, hướng dẫn các nhà đầu tư thực hiện quy trình, thủ tục điều chỉnh quy hoạch diện tích nuôi cá mú, cá bơn sang đối tượng thủy sản khác (như nuôi tôm) để phát huy hiệu quả sử dụng đất, đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định pháp luật.

- Chăn nuôi lợn: Tập trung chỉ đạo các ngành, địa phương triển khai nghiêm túc Công điện số 1528-CĐ/TU ngày 17/5/2019 của BTV Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống bệnh Dịch tả lợn Châu Phi; đồng thời, tăng cường các biện pháp bảo vệ, có chính sách duy trì ổn định 37 cơ sở, đàn lợn nái ngoại hiện có nhằm đảm bảo nguồn cung con giống phục vụ tái đàn, phục hồi ngành chăn nuôi ngay sau khi dịch bệnh được kiểm soát.

*2.3. Kết quả thực hiện các chính sách liên kết, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm*

\* Sau kỳ họp thứ 8, HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã giao các sở, ngành khẩn trương rà soát, tham mưu, xây dựng, trình ban hành Quyết định số 868/QĐ- UBND ngày 26/3/2019 về Quy định trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện Chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2019-2020 theo Nghị quyết số 123/2018/NĐ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh. Tập trung tuyên truyền, phổ biến và chỉ đạo triển khai thực hiện, đến nay 13/13 huyện, thị xã, thành phố đã xây dựng, đăng ký nhu cầu kế hoạch thực hiện các nội dung chính sách về khuyến khích phát triển liên kết, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm năm 2019 theo quy định tại Nghị quyết số 123/2018/NĐ-HĐND; UBND tỉnh đang giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở: Nông nghiệp và PTNT, Công thương, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh soát xét, thẩm định, tổng hợp nhu cầu, đảm bảo tính cấn đối nguồn lực, trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt Kế hoạch, phân bổ kinh phí hỗ trợ các nội dung, chính sách nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn năm 2019 và tổ chức thực hiện theo quy định.

\* Giải pháp thời gian tới: UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các sở, ngành, địa phương triển khai có hiệu quả các nội dung, chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2019-2020 theo Nghị quyết số 123/2018/NĐ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh đảm bảo đúng quy định, trong đó tập trung các nội dung chính sách về khuyến khích phát triển liên kết, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp như:

*- Chính sách phát triển hợp tác, liên kết:* Hỗ trợ 30% tổng mức đầu tư đối với các dự án liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện theo quy định tại Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp

*- Chính sách phát triển thương mại nông thôn:*Hỗ trợ 50% kinh phí để đầu tư nâng cấp, mở rộng hạ tầng kỹ thuật các loại chợ ở khu vực nông thôn, tối đa không quá 400 triệu đồng; Hỗ trợ 30% kinh phí đầu tư xây dựng mới siêu thị mini, cửa hàng tiện lợi, mua sắm trang thiết bị phục vụ bảo quản, kinh doanh và quản lý siêu thị mini, cửa hàng tiện lợi đạt chuẩn tại địa bàn các xã không quy hoạch chợ (mỗi xã hỗ trợ 01 siêu thị mini), tối đa 200 triệu đồng/siêu thị;

***-*** *Chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại và ứng dụng thương mại điện tử phục vụ tiêu thụ nông sản thực phẩm:* Hỗ trợ 50% chi phí tổ chức các phiên chợ, hoạt động bán hàng đưa hàng Việt về bán ở địa bàn nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa; Hỗ trợ tối đa 200 triệu đồng/năm cho tổ chức, cá nhân trực tiếp tiêu thụ sản phẩm do mình sản xuất hoặc hợp đồng liên kết tiêu thụ sản phẩm sản xuất trong tỉnh từ 02 năm trở lênvới mức tiêu thụ tối thiểu 01 tỷ đồng/năm;

Hỗ trợ 30% chi phí bao bì, đóng gói sản phẩm hàng hóa (thiết kế, in ấn, sản xuất bao bì, nhãn mác, giấy hộp đóng gói), tối đa 150 triệu đồng/năm cho các tổ chức, cá nhân sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm trong tỉnh.

Hỗ trợ doanh nghiệp tổ chức lễ hội, hội chợ nông đặc sản và sản phẩm tiểu thủ công nghiệp làng nghề hàng năm quy mô cấp tỉnh, với mức 05 triệu đồng/01 gian hàng quy chuẩn; hỗ trợ 50% kinh phí (tối đa 20 triệu đồng/lần) thuê gian hàng, tham gia đối với hội chợ, triển lãm được tổ chức trong nước; tối đa 40 triệu đồng/lần tham gia đối với hội chợ, triển lãm được tổ chức tại nước ngoài. Hỗ trợ 50% kinh phí mở trang website riêng, duy trì vận hành hỗ trợ kỹ thuật và hỗ trợ không gian lưu trữ trên sàn giao dịch thương mại điện tử; hỗ trợ 30% trên tổng mức đầu tư mới (tối đa 02 tỷ đồng) cho các tổ chức có sàn giao dịch thương mại điện tử các sản phẩm nông nghiệp sản xuất trong tỉnh.

 *- Chính sách hỗ trợ lãi xuất* cho các khách hàng vay vốn ngắn hạn (đến 12 tháng), trung hạn (trên 12 tháng đến 60 tháng), dài hạn (trên 60 tháng) để đầu tư liên kết sản xuất các sản phẩm hàng hóa nông nghiệp chủ lực; đầu tư thu mua, dự trữ, bảo quản, chế biến, tiêu thụ nông lâm, thủy hải sản trên địa bàn có hợp đồng tiêu thụ sản phẩm với nông dân từ 3 năm trở lên; các dự án đầu tư mới trong lĩnh vực công nghiệp chế biến nông sản, lâm sản, thủy, hải sản.

*2.4. Tình trạng sản xuất, chăn nuôi ngoài quy hoạch; vấn đề cung cầu và thị trường đầu ra cho sản phẩm.*

 *\* Kết quả xử lý đối với 55 cơ sở chăn nuôi ngoài quy hoạch*

*- Đối với 33 cơ sở chăn nuôi lợn (quy mô trên 300 con), đến nay đã có:*

+ 09 cơ sở dừng *nuôi (tăng 02 cơ sở so với trước kỳ họp thứ 8 HĐND tỉnh)*, gồm: 03 cơ sở tại Vũ Quang, 03 cơ sở tại Cẩm Xuyên, 01 cơ sở tại Hương Khê và 02 cơ sở tại Nghi Xuân.

+ 09 cơ sở giảm quy mô nuôi, khắc phục các vấn đề về môi trường.

+ 15 cơ sở đang giữ quy mô nuôi *(giảm 02 cơ sở so với trước kỳ họp thứ 8 HĐND tỉnh).*

*- Đối với 22 cơ sở chăn nuôi lợn và chăn nuôi tổng hợp* *(quy mô lợn dưới 300 con, bò dưới 50 con, gia cầm dưới 2.000 con) không thuộc đối tượng bắt buộc xây dựng tại các khu vực quy hoạch chăn nuôi*:

+ Đã có 09 cơ sở chuyển từ chăn nuôi lợn sang chăn nuôi bò, gia cầm *(tăng 02 cơ sở so với trước kỳ họp thứ 8 HĐND tỉnh)*;

+ Có 05 cơ sở đã dừng chăn nuôi *(tăng 02 cơ sở so với trước kỳ họp thứ 8 HĐND tỉnh)* tại huyện Cẩm Xuyên;

+ Còn 08 cơ sở chăn nuôi quy mô vừa và nhỏ *(giảm 04 cơ sở so với trước kỳ họp thứ 8 HĐND tỉnh),* gồm:05 cơ sở tại Cẩm Xuyên, 02 cơ sở tại Thạch Hà, 01 cơ sở tại Nghi Xuân (cơ bản các hộ đã giảm xuống quy mô dưới 100 con), xử lý chất thải có biogas nhưng chưa đảm bảo, chưa thực hiện quy trắc môi trường theo định kỳ.

*\***Giải pháp trong thời gian tới:*

- Tiếp tục chỉ đạo tổ chức thực hiện quản lý phát triển chăn nuôi theo đúng quy hoạch, kế hoạch, quy định về bảo vệ môi trường; trong năm 2019, hoàn thành xây dựng, ban hành “Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi; chính sách di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa ban tỉnh” đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Chăn nuôi có hiệu lực từ ngày 01/01/2020.

- Tiếp tục chỉ đạo quyết liệt, thực hiện các giải pháp về tăng cường kiểm tra công tác bảo vệ môi trường tại các cơ sở chăn nuôi trên địa bàn, xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật, các cơ sở chăn nuôi ngoài quy hoạch, như đã báo cáo và trả lời chất vấn tại kỳ họp thứ 8, HĐND tỉnh, trong đó:

+ Đối với các cơ sở chăn nuôi phát triển mới: Chỉ ưu tiên phát triển ở những vùng có điều kiện về đất đai, đảm bảo tiêu chí, khoảng cách chuồng trại *(cách khu dân cư 500 m; cách bệnh viện, trường học, khu giết mổ tập trung, chợ và nơi công cộng khác 1.000 m)*, phòng chống dịch bệnh, có biện pháp để bảo vệ môi trường và chăn nuôi liên kết theo chuỗi với các doanh nghiệp nhằm phát triển ổn định, bền vững.

 + Đối với cơ sở chăn nuôi đã hoạt động: Tăng cường công tác kiểm tra, kiên quyết xử lý nghiêm, khắc phục các tồn tại về sản xuất và môi trường theo các nội dung của Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã phê duyệt.

 + Đối với cơ sở chăn nuôi ngoài quy hoạch: Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tại cơ sở về quy mô sản xuất và công tác bảo vệ môi trường; kiên quyết xử lý, đình chỉ sản xuất đối với các cơ sở tự ý tăng quy mô, không thực hiện các biện pháp về bảo vệ môi trường. Vận động, tạo điều kiện để các cơ sở di dời đến các vùng quy hoạch chăn nuôi tập trung để tổ chức sản xuất.

- Yêu cầu UBND cấp huyện rà soát lại các thủ tục đầu tư, quyết định cho thuê đất hoặc giao đất để phát triển cơ sở chăn nuôi ngoài quy hoạch, đề xuất giải pháp xử lý để cụ thể đối với từng cơ sở.

*2.5. Vấn đề cung cầu và thị trường đầu ra cho sản phẩm*

- Sau hơn 5 năm thực hiện Tái cơ cấu ngành nông nghiệp, thông qua việc ban hành và triển khai thực hiện danh mục sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực, xây dựng đồng bộ hệ thống quy hoạch, đề án, ưu tiên cơ chế chính sách khuyến khích phát triển cây trồng, vật nuôi chủ lực có lợi thế, thị trường thuận lợi nên sản xuất nông nghiệp có bước phát triển toàn diện, cơ cấu sản xuất ngành, lĩnh vực và nhiều sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực chuyển dịch đúng hướng: Tăng nhanh tỷ trọng cơ cấu GTSX các ngành hàng, sản phẩm có lợi thế phát triển, giá trị gia tăng cao (như cam, bưởi Phúc Trạch, rau củ quả, chè công nghiệp, chăn nuôi lợn, hươu, nuôi tôm); giữ ổn định, giảm dần quy mô sản xuất các sản phẩm chủ lực có giá trị gia tăng thấp hơn và xu hướng cung - cầu thị trường đang dần bão hòa (như lúa, lạc, cao su,...). Hiện nay, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp Hà Tĩnh giai đoạn 2019-2020 và những năm tiếp theo; đang rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh đến năm 2020, lập Quy hoạch tỉnh 2021-2030 và tầm nhìn năm 2050 trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Vấn đề dự báo cung - cầu thị trường luôn được quan tâm: Đến nay, tất cả 9/9 quy hoạch phát triển các sản phẩm nông nghiệp đã được ban hành và tổ chức thực hiện, đều chưa xẩy ra tình trạng quy mô sản xuất vượt mục tiêu quy hoạch đề ra (quy hoạch giống lúa mới đạt quy mô 11% so với mục tiêu quy hoạch, quy hoạch chè công nghiệp đạt 34,5%, quy hoạch cây lạc đạt 85%, quy hoạch cao su đạt 76,9%, quy hoạch rừng sản xuất phục vụ chế biến lâm sản đạt 77%, quy hoạch nuôi trồng thủy sản mặn lợ đạt 87,6%, quy hoạch nuôi trồng thủy sản nước ngọt đạt 72%, quy hoạch nuôi tôm trên cát đạt 50%, quy hoạch chăn nuôi tập trung đạt 29,6%).

- Thông qua triển khai các cơ chế, chính sách khuyến khích, bước đầu thu hút hình thành và phát triển hơn hàng chục doanh nghiệp liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, một số mô hình phát triển khá bền vững, xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, đảm bảo bao tiêu đầu ra ổn định cho người nông dân, như: Chuỗi liên kết sản xuất, thu mua chè xuất khẩu bền vững của Công ty CP Chè Hà Tĩnh; các chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ lợn giống và lợn thương phẩm của Công ty CP Việt Nam, Tổng Công ty KS&TM, Công ty Golden Star; liên kết thu mua, bao tiêu sản phẩm cam, bưởi của Doanh nghiệp tư nhân Tân Thanh Phong, Công ty Vườn ươm Việt; nuôi tôm trên cát với Tập đoàn CP; lúa giống, lúa thương phẩm với Tập đoàn Quế Lâm, Công ty KC Hà Tĩnh; liên kết sản xuất chăn nuôi bò sữa của công ty Vinamilkl; xây dựng 02 vùng chỉ dẫn địa lý cho Bưởi Phúc Trạch và Nhung hươu Hương Sơn (trong tổng số cả nước có 72 sản phẩm đăng ký chỉ dẫn địa lý trong đó có 69 sản phẩm trong nước và 03 sản phẩm nước ngoài); 06 sản phẩm đã và đang đăng ký nhãn hiệu chứng nhận gồm Cam bù Hương Sơn-huyện Hương Sơn, Cam Thượng Lộc-huyện Can Lộc, Cam Khe Mây-huyện Hương Khê, Bánh gai Đức Yên-huyện Đức Thọ, Cu đơ Hà Tĩnh, Cam Vũ Quang-huyện Vũ Quang, Mật ong Vũ Quang-huyện Vũ Quang và Mộc Thái Yên-huyện Đức Thọ; hình thành hơn 15 chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn có xác nhận gắn với truy xuất nguồn gốc, phát triển thị trường trên địa bàn toàn tỉnh (dự kiến đến cuối năm 2019 sẽ có 20 chuỗi),...

- Hàng năm, tổ chức hàng chục hội chợ, triển lãm, hội nghị kết nối cung cầu, cung ứng hàng vào siêu thị, trung tâm thương mại. Liên tục trong 2 năm 2017, 2018, UBND tỉnh đã duy trì và tổ chức thành công các Lễ hội Cam và các sản phẩm nông nghiệp, góp phần quảng bá hình ảnh, thương hiệu của các sản phẩm nông nghiệp, thu hút hàng ngàn lượt người tham gia, thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm.

*\* Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân*

*a) Tồn tại, hạn chế*

- Việc dự báo cung-cầu, định hướng quy hoạch, kế hoạch phát triển một số sản phẩm chưa sát, một số sản phẩm vượt so với chi tiêu đề ra, như: Diện tích Cam đạt 6.734 ha, vượt 2.684 ha so với phát triển đến năm 2020 (4.050 ha); Bưởi các loại: 3.187 ha, trong đó diện tích bưởi Phúc Trạch 2.600 ha, vượt 400 ha,....

- Sản xuất chưa gắn với bảo quản, chế biến, xây dựng thương hiệu và thị trường tiêu thụ, nhiều sản phẩm nông nghiệp đầu ra khó khăn. Công tác quảng bá, xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu còn hạn chế.

- Việc phát triển liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị còn hạn chế. Các doanh nghiệp hiện tại vẫn đang chủ yếu liên kết với các gia trại, trang trại quy mô lớn trong khi đó phần lớn các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp chủ yếu còn sản xuất nhỏ lẻ, làm tăng chi phí nên doanh nghiệp chưa thực sự mặn mà đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp so với đầu tư vào các lĩnh vực khác.

*b) Về nguyên nhân:*

**-** Sản xuất nông nghiệp chịu tác động và ảnh hưởng lớn của điều kiện tự nhiên, thời tiết, thiên tai, dịch bệnh làm giảm hiệu quả, tăng rủi ro, nên việc thu hút các doanh nghiệp vào đầu tư gặp nhiều khó khăn; đồng thời tác động đến tính chính xác, hiệu quả công tác dự báo, dự tính cung - cầu, thị trường tiêu thụ sản phẩm nông sản.

- Thị trường tiêu thụ nông sản gặp nhiều khó khăn, theo số liệu thống kê giá bán một số nông sản giảm mạnh so với những năm trước, đặc biệt là đối với sản phẩm chăn nuôi lợn từ đầu năm đến nay do diễn biến phức tạp của dịch bệnh nên giá bán và nhu cầu thị trường tiêu thụ sụt giảm (hiện giá lợn thịt hơi xuất chuồng giảm xuống còn 32-37 ngàn đồng/kg, lợn giống 800-1.000 ngàn đồng/con).

- Việc xây dựng một số đề án, kế hoạch và tổ chức sản xuất chưa có dự báo sát với cung - cầu thị trường, lường hết diễn biến khó khăn của thị trường. Trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức sản xuất của Ngành Nông nghiệp và các địa phương, cũng như của phần lớn người sản xuất vẫn đang chủ yếu tập trung cho khâu sản xuất, còn khâu chế biến, kết nối thị trường, tiêu thụ sản phẩm còn hạn chế.

*\* Nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới*

- Tiếp tục tập trung chỉ đạo, triển khai các nhiệm vụ, giải pháp tổng thể về phát triển các lĩnh vực, sản phẩm hàng hóa nông nghiệp chủ lực theo Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2019-2020 và những năm tiếp theo; Chương trình Mỗi xã một sản phẩm “OCOP”, Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

- Tập trung tuyên truyền, triển khai các cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2019-2020 theo Nghị quyết số 123/2018/NQ-HĐND, nhất là các chính sách hỗ trợ phát triển thị trường, tiêu thụ sản phẩm, thu hút doanh nghiệp đầu tư liên kết theo chuỗi giá trị.

- Xây dựng các chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP có xác nhận gắn với việc dán tem điện tử truy xuất nguồn gốc đối với các sản phẩm; thường xuyên triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại, tổ chức hội chợ, lễ hội, kết nối cung cầu các sản phẩm nông nghiệp…

- Tăng cường công tác quản lý thị trường, giảm khâu trung gian, quản lý tốt giá cả, chất lượng giống, vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm nông lâm thuỷ sản, tạo thuận lợi cho người sản xuất tiêu thụ sản phẩm.

***Câu hỏi 3. Công tác quản lý, xử lý trụ sở của các cơ quan, nhà văn hóa thôn, tổ dân phố…. hiện không còn sử dụng. Nguyên nhân, trách nhiệm và giải pháp trong thời gian tới.***

**Trả lời:**

 Về nội dung trả lời chất vấn tại kỳ họp thứ 8 HĐND tỉnh khóa XVII, UBND tỉnh đã phân công các đồng chí Giám đốc Sở Tài chính, Ủy viên UBND tỉnh trả lời đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp thứ 8.

Hiện nay các huyện, thị xã, thành phố đang triển khai thực hiện rà soát, sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ, trong đó có đề xuất phương án xử lý đối với các nhà văn hóa thôn, tổ dân phố không còn sử dụng.

Thẩm quyền xử lý đối với nhà văn hóa thôn, tổ dân phố hiện không còn sử dụng thực hiện Nghị quyết số 114/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh quy định về phân cấp quản lý tài sản công trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

***Câu hỏi 4:***

***- Tình hình giáo viên hiện nay; việc điều động, biệt phái; xử lý việc thừa, thiếu giáo viên trên địa bàn toàn tỉnh.***

***- Tình hình thực hiện và quản lý các khoản thu ngoài học phí tại các trường học.***

***- Công tác quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong lĩnh vực giáo dục phổ thông.***

***- Giải pháp xã hội hóa tăng cường cơ sở vật chất các trường học.***

***- Giải pháp nâng cao kỹ năng sống cho học sinh các cấp.***

***Nguyên nhân, trách nhiệm và giải pháp trong thời gian tới của các nội dung trên.***

**Trả lời:**

*4.1. Tình hình điều động, biệt phái; xử lý thừa thiếu giáo viên trên địa bàn toàn tỉnh*

- UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 03/01/2019 về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính; số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức hội và chỉ tiêu lao động hợp đồng năm 2017. Theo Quyết định giáo viên mầm non đảm bảo định mức 2,0 giáo viên/nhóm, lớp (trường hợp thiếu được hợp đồng không vượt quá 0,25 giáo viên/nhóm, lớp);

- UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 24/2019/QĐ-UBND ngày 9/5/2019 về việc ban hành Quy chế biệt phái giáo viên tiểu học, THCS; THPT từ đơn vị thừa giáo viên đến đơn vị thiếu giáo viên;

- Năm học 2018-2019 đã thực hiện biệt phái 86 giáo viên THPT từ các đơn vị thừa sang đơn vị thiếu giáo viên.

- Vận động, khuyến khích cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hỗ trợ hoạt động giáo dục dôi dư sau rà soát, sắp xếp nhưng chưa đến tuổi nghỉ hưu chuyển công tác, nghỉ hưu sớm hoặc thôi việc. Tính đến tháng 6/2019 có 69 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nghỉ trước tuổi theo chính sách quy định tại Nghị định 108/2014/NĐ-CP và Nghị quyết 96/2018/NQ-HĐND;

- Đào tạo bổ sung kiến thức cần thiết đối với giáo viên, nhân viên dôi dư sau sắp xếp để có thể dạy môn khác, vị trí việc làm khác còn có chỉ tiêu, chuyển từ cấp THCS xuống dạy tiểu học ở các bộ môn đặc thù. Đến nay, khối THPT đã cử 27 giáo viên đi đào tạo văn bằng 2 để dạy môn Giáo dục quốc phòng an ninh còn thiếu giáo viên, có 20 giáo viên cấp THCS ở các bộ môn đặc thù được điều động dạy tiểu học;

- Thực hiện việc hợp đồng viên chức số giáo viên còn thiếu sau khi điều chuyển, bố trí, cân đối. Tiếp tục thực hiện việc hợp đồng 905 giáo viên mầm non theo Quyết định số 2059/QĐ-UBND ngày 09/7/2013 của UBND tỉnh và hợp đồng 40 giáo viên THPT theo Quyết định số 2531/QĐ-UBND ngày 28/08/2014 của UBND tỉnh.

*4.2. Thực hiện và quản lý các khoản thu ngoài học phí trong trường học*

- UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành hướng dẫn các khoản thu trong trường học;

- Một số địa phương như huyện Kỳ Anh, Lộc Hà, Thạch Hà, Hương Sơn đã chỉ đạo UBND cấp xã chủ trì để tổ chức huy động đóng góp từ cha mẹ học sinh để xây dựng cơ sở vật chất trường học;

- Các cơ sở giáo dục đã tổ chức vận động tài trợ cho giáo dục theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

- Ban Dân vận Tỉnh ủy chủ trì giám sát kết quả thực hiện Thông báo số 683-TB/TU ngày 30/7/2018 của Thường trực Tỉnh ủy;

- Đã chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt kế hoạch vận động tài trợ cho các Trường THPT năm học 2018-2019; trong quá trình thanh tra tại các trường học đã lồng ghép nội dung thanh tra công tác vận động, tiếp nhận, quản lý và sử dụng các khoản thu trong trường học.

*4.3. Công tác quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong lĩnh vực giáo dục phổ thông*

- Thực hiện cấp phép dạy thêm cho các cơ sở giáo dục và tổ chức, cá nhân có nhu cầu dạy thêm;

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục tăng cường tổ chức các hoạt động giáo dục kĩ năng sống, tổ chức các câu lạc bộ; đẩy mạnh hoạt động đọc sách trong các thư viện; đổi mới kiểm tra, đánh giá học sinh, tăng cường các câu hỏi từ tình huống thực tiễn để các học sinh giải quyết,...

- Kiểm tra tại 6 Phòng Giáo dục và Đào tạo, 20 Trường THPT về dạy thêm, học thêm. Qua kiểm tra có một số trường vi phạm về dạy thêm, học thêm; tuy nhiên, hành vi vi phạm chủ yếu là chưa phân hóa học sinh để tổ chức lớp học theo trình độ nên không xử lý, chỉ hướng dẫn để tổ chức thực hiện đúng theo quy định.

- Đổi mới công tác thi tuyển sinh lớp 10: Tổ chức thi ngay khi kết thúc năm học (thi ngày 30/5/2019), chỉ thi đối với Trường THPT có học sinh đăng ký vào học nhiều hơn chỉ tiêu giao (có 03 Trường THPT công lập chỉ xét tuyển không thi – THPT Đức Thọ, Lê Hữu Trác, Thành Sen).

*4.4. Giải pháp xã hội hóa tăng cường cơ sở vật chất các trường học*

UBND tỉnh đang chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp thu ý kiến hoàn chỉnh quy định về quy trình huy động quản lý sử dụng nguôn kinh phí từ người dân để xây dựng cơ sở hạ tầng các xã, phường, thị trấn; Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì tham mưu văn bản chỉ đạo thực hiện Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT.

*4.5. Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh*

- Đã tổ chức Hội thảo chuyên đề về giáo dục KNS với sự tham gia của gần 170 CBQL các trường học trong tỉnh; tổ chức tập huấn cấp chứng chỉ giáo dục KNS cho giáo viên trong toàn tỉnh (bồi dưỡng cấp chứng chỉ Tư vấn tâm lý cho 73 giáo viên; tập huấn cấp chứng chỉ phương pháp dạy bơi, kỹ năng cứu đuối cho 116 giáo viên).

- Đã chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo, Công an tỉnh, UBND các địa phương quản lý chặt chẽ hoạt động giáo dục KNS cho học sinh; đã tiến hành thẩm định, cấp phép cho 05 doanh nghiệp tham gia hoạt động giáo dục KNS trên địa bàn toàn tỉnh (03 giấy phép mới; 02 giấy phép cấp lại), hiện nay toàn tỉnh có 06 trung tâm giáo dục KNS. Thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động giáo dục KNS ngoài nhà trường; Đã yêu cầu dừng các hoạt động giáo dục KNS tại 01 đơn vị không có giấy phép.

- Đã chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở VH-TT&DL, Sở LĐ-TB&XH tổ chức lớp tập huấn phương pháp dạy bơi, kỹ năng cứu đuối và cấp chứng chỉ cho cán bộ, giáo viên. Chỉ đạo UBND cấp huyện rà soát và đưa vào khai thác hiệu quả các bể bơi hiện có trong các trường học; giới thiệu 05 trường học để đầu tư xây dựng bể bơi. Hiện tại, toàn tỉnh có 39 bể bơi tại các trường học và 25 bể bơi tại cộng đồng nhằm tổ chức dạy bơi cho học sinh trong dịp hè năm 2019. Cùng với phong trào xây dựng NTM trong toàn tỉnh, Tỉnh đoàn cũng đã xây dựng hành chục điểm vui chơi dành cho trẻ em ở các địa bàn dân cư.

***Câu hỏi 5. Công tác quản lý, giải quyết nợ đọng thuế hiện nay. Nguyên nhân, trách nhiệm và giải pháp trong thời gian tới.***

**Trả lời:**

*5.1. UBND tỉnh đã chỉ đạo Cục Thuế tỉnh thực hiện các biện pháp quản lý, đôn đốc thu nợ thuế 5 tháng đầu năm 2019:*

- Thực hiện công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế theo đúng định, hàng tháng đôn đốc thu tiền nợ thuế qua điện thoại, nhắn tin, ban hành thông báo và gửi Email đối với 100% DN đang còn nợ tiền thuế, tiền phạt chưa nộp NSNN.

- Hàng tháng, tổ chức tuyên truyền, hỗ trợ, hướng dẫn người nộp thuế thực hiện kê khai thuế kịp thời, đúng quy định của pháp luật.

- Ban hành thông báo nợ và tiền chậm nộp thuế đối với 4.333 tổ chức và cá nhân có nợ thuế (với16.041lượt thông báo), với số tiền thuế nợ và tiền chậm nộp tiền thuế là 528 tỷ đồng;

- Áp dụng biện pháp cưỡng chế Phong tỏa tài khoản đối với 3.141 lượt DN, tổng số tiền thuế, tiền phạt cưỡng chế thuế là 217 tỷ đồng;

- Áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng đối với 25 DN nợ thuế trên 121 ngày;

- Công khai các DN nợ thuế trên các phương tiện thông tin đại chúng, đối với 1.970 lượt doanh nghiệp.

- Cục Thuế tỉnh phối hợp với các cấp các ngành trong việc thu hồi nợ thuế, đặc biệt là phối hợp với Kho bạc Nhà nước trong việc thu hồi nợ đọng thuế các doanh nghiệp XDCB, phối hợp với các Ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng trong việc cưỡng chế phong tỏa tài khoản của các đối tượng có số nợ thuế trên 90 ngày. Phối hợp với các chủ đầu tư trong việc giải ngân vốn cho các doanh nghiệp để thu hồi nợ đọng thuế.

- Giao Cục Thuế làm việc với các doanh nghiệp và các cá nhân nợ đọng thuế để yêu cầu cam kết nộp nợ thuế vào ngân sách nhà nước theo đúng quy định, qua đó vừa thu được nợ thuế vừa tạo điều kiện cho doanh nghiệp chủ động tài chính trong sản xuất kinh doanh và thực hiện chính sách thuế.

*\* Kết quả thu tiền thuế nợ 5 tháng đầu năm 2019:*

- Tổng tiền thuế nợ toàn ngành đến ngày 31/5/2019 là: 395 tỷ đồng, tỷ lệ nợ là: 4,3%: *(giảm 3,2% so với cùng kỳ năm 2018 (giảm 13 tỷ đồng))*

- Công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế thực hiện tốt nên 5 tháng đầu năm 2019 tổng số tiền thuế nợ toàn ngành đến nay đã thu được và nộp vào NSNN là 680 tỷ đồng, bằng 15,6% tổng thu ngân sách 5 tháng đầu năm 2019, *(thu bằng biện pháp cưỡng chế nợ thuế là: 36,4 tỷ đồng; thu bằng biện pháp đôn đốc, lập biên bản là: 634,6 tỷ đồng)*, góp phần nhằm tăng thu ngân sách, thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh.

- Nhờ áp dụng đồng bộ các biện pháp thu nợ nên nợ đọng thuế 5 tháng đầu năm 2019 giảm và hạn chế nợ mới phát sinh.

**II. Đối với các lĩnh vực, nhóm vấn đề dự kiến không chất vấn trực tiếp tại Kỳ họp**

***Câu hỏi 1.***

***- Thực trạng việc quy hoạch, quản lý quy hoạch khu dân cư ở các địa phương; Thực trạng quy hoạch phân lô, bán nền có tính tràn lan hiện nay.***

***- Vấn đề quy hoạch, quản lý quy hoạch, xây dựng các công trình, các thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua.***

***Nguyên nhân, trách nhiệm và giải pháp trong thời gian tới của các nội dung trên.***

**Trả lời:**

*1.1. Thực trạng việc quy hoạch, quản lý quy hoạch khu dân cư ở các địa phương; thực trạng quy hoạch phân lô, bán nền có tính tràn lan hiện nay.*

Trước dây, thực hiện theo đề án phát triển quỹ đất đã được HĐND tỉnh phê duyệt tại Nghị quyết số 22/2011/NQ-HĐND ngày 16/12/2011, nhà nước bỏ tiền ngân sách đầu tư hạ tầng phân lô, sau đó bán đấu giá đất, thu hồi vốn.

Hiện nay, thực hiện chủ trương xã hội hóa đầu tư, khuyến khích các doanh nghiệp vào đầu tư các khu đô thị, khu dân cư nông thôn, nhà nước thu hồi tiền sử dụng đất theo quy định, đảm bảo quy hoạch và hiệu quả đầu tư. Trường hợp các nhà đầu tư dự án khu đô thị, khu dân cư nông thôn, nhà đầu tư phải thực hiện theo quy định Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Đất đai, Luật Quy hoạch đô thị, Luật Xây dựng. Theo đó, các dự án tại khu vực nông thôn được phép phân lô bán nền. Đối với các dự án tại khu vực đô thị, chỉ được phân lô, bán nền tại khu vực không thuộc các vị trí sau (sau có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Xây dựng): nằm trong địa bàn các quận nội thành của các đô thị loại đặc biệt, khu vực có yêu cầu cao về kiến trúc cảnh quan, khu vực trung tâm và xung quanh các công trình là điểm nhấn kiến trúc trong đô thị; nằm tại mặt tiền các tuyến đường cấp khu vực trở lên và các tuyến đường cảnh quan chính trong đô thị (Điều 11 Thông tư số 20/2012/TTLT/BXD-BNV ngày 21/11/2013 của Bộ Xây dựng và Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị). Quá trình chấp thuận chủ trương đầu tư, UBND tỉnh đều yêu cầu chủ đầu tư phải thực hiện theo đúng quy định nói trên.

Đến nay, UBND tỉnh đã phê duyệt quy hoạch một số dự án khu dân cư của các nhà đầu tư tại khu vực nông thôn như: xã Cương Gián, Xuân Liên, Xuân Phổ, Xuân Trường (huyện Nghi Xuân), xã Thạch Đài (huyện Thạch Hà), xã Cẩm Thành (huyện Cẩm Xuyên), xã Kỳ Châu (huyện Kỳ Anh), xã Kỳ Hoa (thị xã Kỳ Anh)... Các dự án này đều đảm bảo quy hoạch hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ và được phép bán nền, theo quy định của Luật Đất đai.

Ở khu vực đô thị, UBND tỉnh đã phê duyệt quy hoạch một số dự án khu dân cư đô thị của các nhà đầu tư như: Khu dân cư đô thị HUD tại khu đô thị Bắc thành phố Hà Tĩnh, Khu đô thị Vinhome, Khu đô thị Xuân An, Khu dân cư đô thị Nam Phố Châu. Các dự án này UBND tỉnh đều quy định cụ thể khu vực nhà đầu tư phải xây dựng nhà ở, không được phân lô bán nền theo quy định tại Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị.

*Việc phân lô, bán nền thời gian qua do một số nguyên nhân sau:*

- Thực hiện đề án phát triển quỹ đất đã được HĐND tỉnh phê duyệt tại Nghị quyết số 22/2011/NQ-HĐND ngày 16/12/2011;

- Luật Đất đai cho phép việc phân lô bán nền;

- Phân lô bán nền là nguồn thu ngân sách chính của một số địa phương.

*Để giải quyết vấn đề trên UBND tỉnh đã thực hiện các giải pháp sau:*

- UBND tỉnh đã phê duyệt chương trình phát triển nhà ở tại Quyết định số 478/QĐ-UBND ngày 13/2/2019. Hiện nay, đang xây dựng Kế hoạch phát triển nhà ở 5 năm và năm 2019.

- Đối với các dự án khu dân cư đô thị: Đã yêu cầu thực hiện nghiêm túc theo Nghị định số 11/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị. Trong đó, nhà đầu tư phải xây dựng nhà ở mới được bán cho người dân. Trường hợp phân lô bán nền phải theo quy định và có ý kiến thống nhất băng văn bản của Bộ Xây dựng.

*1.2. Vấn đề quy hoạch, quản lý quy hoạch, xây dựng các công trình, thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh thời gian qua.*

Theo Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013-2020, định hướng đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2164/QĐ-TTg ngày 11/11/2013, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở, bao gồm:

- Nhà Văn hóa - Khu Thể thao ở thôn và tương đương;

- Trung tâm Văn hóa - Thể thao ở cấp xã;

- Trung tâm Văn hóa - Thể thao ở cấp huyện;

- Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh.

- Nhà Thiếu nhi; Cung Thiếu nhi; Trung tâm hoạt động Thanh Thiếu nhi.

- Nhà Văn hóa Lao động;

- Trung tâm Văn hóa - Thể thao ở Khu chế xuất, Khu công nghiệp và trong các doanh nghiệp lớn;

Việc bố trí quỹ đất để xây dựng các công trình, thiết chế văn hóa, thể thao được quy định cụ thể trong quy chuẩn quốc gia về quy hoạch xây dựng. Thời gian qua, các đồ án quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn mới đều dành quỹ đất để xây dựng các công trình này theo đúng quy chuẩn. Đối với từng công trình trong khu đất văn hóa, thể thao được quản lý thông qua các đồ án quy hoạch chi tiết, bản vẽ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất của dự án cụ thể.

Đối với các thiết chế văn hóa, thể thao cấp thôn, xã: Đây là một trong những tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Vì vậy, thời gian qua được sự quan tâm của các địa phương, các công trình thiết chế văn hóa thể thao cấp thôn, xã đã được lồng ghép đầu tư theo quy hoạch nông thôn mới.

Đối với các thiết chế văn hóa, thể thao cấp huyện, cấp tỉnh: Các đồ án quy hoạch đô thị đều đã bố trí quỹ đất xây dựng các công trình này. Các thiết chế văn hóa cấp huyện, tỉnh như trung tâm văn hóa hầu hết đã được xây dựng. Hiện nay, tỉnh đang trình HĐND tỉnh chủ trương đầu tư một số dự án như Bảo tàng tỉnh (244 tỷ), nhà văn hóa huyện Lộc Hà (69,9 tỷ), cải tạo sân vận động tỉnh (51,3 tỷ).

Để phục vụ nhu cầu văn hóa, thể thao của nhân dân, tỉnh chủ trương kêu gọi xã hội hóa đầu tư vào các công trình thiết chế văn hóa, thể thao như: nhà hội quán, sân bóng đá mini, bóng chuyền, sân tennis, sân tập golf,...

***Câu hỏi 2. Công tác quản lý, phân bổ vốn đầu tư và giải pháp trả nợ xây dựng cơ bản; nguyên nhân, trách nhiệm và giải pháp trong thời gian tới.***

**Trả lời:**

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản trên địa bàn, trong đó xác định các nguyên nhân chính sau đây:

*Nguyên nhân khách quan*

- Trong nhiều năm trước, thực hiện chủ trương kích cầu của Chính phủ, đồng thời do yêu cầu về xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ công tác xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn nên các cấp đã đồng loạt triển khai nhiều dự án. Từ năm 2011, Chính phủ thực hiện các chính sách tập trung kiềm chế lạm phát, thực hiện chính sách tài khóa thắt chặt, cắt giảm đầu tư công, dẫn đến mất cân đối về nguồn vốn.

- Nhiều công trình thuộc ngân sách cấp huyện, xã được dự kiến bố trí nguồn thu tiền sử dụng đất, nhưng những năm gần đây tình hình kinh tế khó khăn, việc đấu giá quyền sử dụng đất ở các địa phương, nhất là các xã khó khăn, vùng xa đạt thấp dẫn đến hụt nguồn thanh toán vốn đầu tư.

- Một số chương trình, dự án giao thông, thủy lợi có tổng mức đầu tư lớn thuộc nguồn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương (Chương trình đầu tư xây dựng đường cứu hộ, cứu nạn; Chương trình an toàn hồ chứa,..) đã được Trung ương bố trí nguồn. Tuy nhiên, thực hiện Chỉ thị 1792/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, các chương trình này không được Trung ương tiếp tục bố trí vốn dẫn đến không cân đối được nguồn vốn thanh toán khối lượng hoàn thành.

- Nhiều đề án, chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển của tỉnh được ban hành và triển khai trong giai đoạn 2011-2015, với cơ chế hỗ trợ chưa tập trung, ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ một phần, phần còn lại chủ yếu xã hội hóa đầu tư và vốn huy động khác (như: Chương trình y tế, trường học,..); Trong khi thực tế việc huy động vốn ngoài ngân sách hầu như chưa đáp ứng được dẫn đến các dự án đã được quyết định đầu tư theo các đề án còn dở dang, nợ đọng khá lớn.

*Nguyên nhân chủ quan*

- Một số chủ đầu tư chưa tuân thủ nghiêm các quy định trong quản lý xây dựng cơ bản; để nhà thầu thi công vượt kế hoạch vốn được bố trí, chuẩn bị đầu tư và thi công khi chưa được bố trí vốn (phát sinh nợ ngoài kế hoạch); chậm nghiệm thu, quyết toán hoàn thành dự án làm cơ sở thanh toán,..

- Trong xây dựng nông thôn mới, nhiều địa phương còn nặng về thành tích; hoàn thành tiêu chí, sớm về đích nông thôn mới, nhất là các tiêu chí liên quan đến đầu tư kết cấu hạ tầng, trong khi chưa căn cứ vào khả năng huy động nguồn lực của địa phương để triển khai dẫn đến phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

- Công tác lập, thẩm định, phê duyệt dự án, phê duyệt kế hoạch đấu thầu ở một số địa phương, nhất là ở cấp huyện, cấp xã chưa căn cứ vào khả năng cân đối nguồn vốn. Vẫn còn tình trạng phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư khi chưa xác định rõ nguồn vốn và khả năng cân đối vốn gây ra nợ đọng XDCB.

- Năng lực của một số chủ đầu tư, ban QLDA, cơ quan thẩm định, đơn vị tư vấn còn hạn chế dẫn đến nhiều dự án phải điều chỉnh tổng mức đầu tư do phát sinh hạng mục, điều chỉnh tăng giá vật tư, nhân công, máy móc,...

*Giải pháp thời gian tới*

Để triển khai thực hiện đúng các quy định của Luật Đầu tư công, cơ cấu lại đầu tư công theo hướng tập trung, khắc phục cơ bản tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản; Thời gian tới cần tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp sau đây:

- Bổ sung danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương (bao gồm các nguồn tăng thu, tiếp kiệm chi và các nguồn huy động khác,..) giai đoạn 2016-2020 làm căn cứ để phân bổ và triển khai kế hoạch hằng năm; đảm bảo nguyên tắc thống nhất, tập trung trong phân bổ vốn đầu tư nhằm xử lý dứt điểm nợ đọng XDCB và không phát sinh thêm nợ mới.

- Triển khai rà soát lại các cơ chế chính sách đã ban hành giai đoạn 2011-2015 và 2016-2018; trên cơ sở đó ban hành các hệ thống cơ chế, chính sách giai đoạn 2019-2020 theo hướng đầu tư tập trung, đồng bộ và phù hợp với khả năng nguồn vốn; đồng thời cơ cấu lại các khoản chi, thực hiện tiết kiệm, đảm bảo khả thi nguồn vốn Ngân sách tỉnh dành cho đầu tư phát triển.

- Kiểm soát chặt chẽ việc lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư các dự án đầu tư công. Chấn chỉnh và tăng cường trách nhiệm của các cơ quan lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư và quyết định các dự án đầu tư công thuộc thẩm quyền. Các ngành, các cấp chịu trách nhiệm kiểm soát chặt chẽ phạm vi, quy mô của từng dự án đầu tư theo đúng mục tiêu, lĩnh vực, chương trình đã được phê duyệt; thực hiện nghiêm các quy định về thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn; tuyệt đối không phê duyệt chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư nếu không xác định rõ được nguồn vốn khả năng cân đối vốn. Đối với các dự án đã được cấp có thẩm quyền thẩm định nguồn vốn, chỉ được phê duyệt chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư không vượt quá mức vốn đã được thẩm định. Theo đó, cấp nào phê duyệt chủ trương, phê duyệt dự án đầu tư gây nợ đọng xây dựng cấp đó phải tự xử lý và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Tăng cường kỷ cương kỷ luật trong quản lý đầu tư xây dựng cơ bản. Kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm, xử lý theo quy định pháp luật đối với các cá nhân, tổ chức trong việc vi phạm quy định về quản lý đầu tư, gây nợ đọng xây dựng cơ bản. Tăng cường công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra việc lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, điều chỉnh quyết định đầu tư và thực hiện các dự án đầu tư công.

***Câu hỏi 3. Những bất cập và chậm trể trong tổ chức tuyển dụng công chức cấp huyện; nguyên nhân, trách nhiệm và giải pháp trong thời gian tới.***

**Trả lời:**

Thời gian qua thực hiện nhiều chủ trương, đề án như Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; tỉnh có chủ trương tuyển dụng công chức cấp tỉnh cấp huyện chung 01 lần các cơ quan nhà nước và cơ quan của Đảng các tổ chức chính trị xã hội vì vậy khối nhà nước chờ việc rà roát kỹ thêm chỉ tiêu và kế hoạch của khối Đảng, Đoàn thể để xây dựng kế hoạch tuyển dụng chung.

Triển khai thực hiện Nghị quyết 18, 19-NQ/TW kỳ họp thứ sáu của Ban chấp hành trung ương khóa XII về tinh giảm bộ máy, biên chế toàn bộ hệ thống chính trị, tỉnh tiến hành sắp xếp các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị hành chính cấp xã sẽ dôi dư cán bộ, công chức cấp xã, số biên chế hành chính cấp huyện còn thiếu sẽ xem xét cán bộ, công chức cấp xã đủ điều kiện, tiêu chuẩn để chuyển thành công chức cấp huyện theo quy định.

Vì vậy, đến thời điểm này việc tuyển dụng công chức cho cơ quan hành chính cấp huyện, cấp tỉnh chưa thực hiện.

***Câu hỏi 4. Tình hình, tiến độ xử lý các vụ việc tồn đọng về đất đai tại huyện Nghi Xuân; nguyên nhân, trách nhiệm và giải pháp trong thời gian tới.***

**Trả lời:**

Liên quan việc giải quyết tồn đọng kéo dài của 55 hộ dọc hai bên Quốc lộ 1A, đoạn Nam Cầu Bến Thủy, tại địa bàn huyện Nghi Xuân, Uỷ ban nhân dân tỉnh đã thành lập Đoàn Thanh tra xác minh vụ việc thu tiền, cấp đất cho các hộ dân hai bên Quốc lộ 1A (khu vực phía Nam cầu Bến Thủy) giai đoạn năm 1992-1994.

Trên cơ sở kết quả xác minh của Đoàn Thanh tra và kết quả làm việc, xin ý kiến của Thủ tướng Chính phủ, Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan, UBND tỉnh đã ban hành Kết luận số 152/KL-UBND ngày 27/5/2019*,* theo đó, đã giao nhiệm vụ cụ thể cho UBND huyện Nghi Xuân, các sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Tư pháp và Thanh tra tỉnh để tổ chức thực hiện. Hiện nay, UBND huyện Nghi Xuân và các sở, ngành nêu trên đang tiến hành thực hiện các nội dung theo Kết luận Thanh tra.

***Câu hỏi 5. Thực trạng tín dụng đen, kinh doanh lô đề trá hình và đánh bạc trên địa bàn tỉnh xuất hiện nhiều, làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội; nguyên nhân, trách nhiệm và giải pháp trong thời gian tới.***

**Trả lời:**

Kết quả thực hiện các nội dung chất vấn:

- UBND tỉnh đã ban hành Văn bản số 263/UBND-NCm, ngày 11/12/2018 chỉ đạo Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã, Hiệu trưởng các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp trên địa bàn tỉnh tăng cường công tác phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm và VPPL liên quan đến “tín dụng đen”.

- Ngày 21/12/2018, đã tổ chức Hội nghị bàn các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh với tội phạm và các hành vi VPPL liên quan đến “tín dụng đen” cùng với đại diện lãnh đạo. Kết thúc hội nghị UBND tỉnh đã chỉ đạo Công an tỉnh đã ban hành Văn bản xử lý tội phạm và VPPL liên quan đến hoạt động “tín dụng đen”.

- Chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể xã hội, các cơ quan truyền thông, báo chí tập trung tăng cường công tác tuyên truyền về quy định của Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ cầm đồ, tài chính; thông báo tình hình, thủ đoạn hoạt động để mọi người dân hiểu đầy đủ về bản chất “tín dụng đen” với hơn 30 phóng sự, tin bài, 76 đợt tuyên truyền lưu động nhằm nâng cao tính cảnh giác, qua đó chủ động tố giác các hành vi vi phạm cho lực lượng Công an và các cơ quan chức năng.

- Tổ chức ký cam kết thực hiện kinh doanh theo đúng các quy định của pháp luật đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ cầm đồ, kinh doanh dịch vụ tài chính hợp pháp trên địa bàn. Tổ chức 33 đợt ra quân bóc xóa, tháo gỡ tờ rơi quảng cáo về lĩnh vực tài chính; giao nhiệm vụ cho lực lượng cảnh sát khu vực và bảo vệ dân phố tăng cường tuần tra, phát hiện, bắt giữ các đối tượng dán tờ rơi quảng cáo trái phép.

- Chỉ đạo tổ chức tổng rà soát trên địa bàn toàn tỉnh 318 cơ sở dịch vụ cầm đồ hợp pháp *(trong đó có 92 cơ sở có hoạt động cho vay)*; 11 cơ sở dịch vụ cầm đồ bất hợp pháp *(trong đó có 09 cơ sở có hoạt động cho vay)*; 68 cơ sở dịch vụ tài chính, mua bán sim - thẻ, mua bán xe máy, cho thuê xe ô tô tự lái… có hoạt động cho vay *(trong đó có 11 cơ sở bất hợp pháp)* với 25 ổ nhóm, 126 đối tượng có liên quan. Đã tiến hành 172 lượt kiểm tra, đấu tranh bắt buộc 166 cơ sở dừng hoạt động cho vay, chuyển sang các loại hình kinh doanh khác; 100% các cơ sở buộc phải dỡ bỏ hoặc điều chỉnh lại biển quảng cáo kinh doanh phù hợp với các văn bản quy định hiện hành. Tập trung đấu tranh, triệt phá 18 ổ nhóm, 85 đối tượng; trong đó ra quyết định khởi tố 14 vụ, 46 bị can về các tội danh “Giết người”, “Bắt, giữ người trái pháp luật”, “Cưỡng đoạt tài sản”, “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Gây rối trật tự công cộng”, “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”; thu giữ gần 01 tỷ đồng cùng nhiều tang vật phục vụ hoạt động cho vay, siết nợ, đòi nợ và thực hiện các hành vi VPPL liên quan; truy tố 12 vụ, 29 bị can; đưa ra xét xử 01 vụ, 01 bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”; xử lý vi phạm hành chính 22 vụ, 23 đối tượng, xử phạt gần 250 triệu đồng.

Như vậy, sau hơn 6 tháng ra quân, công tác phòng ngừa, đấu tranh phòng chống tội phạm và VPPL liên quan đến hoạt động “tín dụng đen” đã thu được những kết quả tích cực. Nhiều đối tượng, ổ nhóm nguy hiểm, phức tạp, đặc biệt là các ổ nhóm, đối tượng ngoại tỉnh đã bị đấu tranh, triệt phá, bắt giữ; một số đối tượng, ổ nhóm suy yếu tan rã, bị đẩy đuổi khỏi địa bàn; các hình thức quảng cáo, rao tin được xử lý triệt để. Những vụ việc, vụ án do đối tượng, ổ nhóm liên quan đến hoạt động cho vay nặng lãi đều được tập trung đấu tranh, bắt giữ nhiều đối tượng cầm đầu, cộm cán đưa ra truy tố, xét xử, có tính răn đe tội phạm cao, được cấp ủy, chính quyền các cấp và Nhân dân hết sức ghi nhận, từ đó tạo khí thế, động lực lớn trong công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện các nội dung chất vấn tại Kỳ họp thứ 8 HĐND tỉnh khoá XVII; UBND tỉnh tổng hợp báo cáo Thường trực HĐND tỉnh và các Đại biểu HĐND tỉnh./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- TT HĐND tỉnh;- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;- Chánh VP, các PVP;- Lưu: VT, TH1. | **TM. UỶ BAN NHÂN DÂN****KT. CHỦ TỊCH****PHÓ CHỦ TỊCH** (đã ký)**Đặng Ngọc Sơn** |

1. : (Bãi chôn lấp phường Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh; bãi chôn lấp tại xã Hồng Lộc, huyện Lộc Hà; bãi chôn lấp thị trấn Thạch Hà, huyện Thạch Hà; BCL xã Đức Long- Đức Thọ; bãi chôn lấp thị trấn Tây Sơn, huyện Hương Sơn và bãi chôn lấp tại thị trấn Vũ Quang, huyện Vũ Quang) [↑](#footnote-ref-1)
2. : Lò Sankyo ở Xuân Thành, Nghi Xuân (15 tấn/ngày); lò Loshiho ở Cương Gián, Nghi Xuân (10 tấn/ngày); lò của Công ty Tràng An Xanh ở Phù Việt, Thạch Hà (6 tấn/ngày); lò T-Tech ở Phố Châu, Hương Sơn (9 tấn/ngày). [↑](#footnote-ref-2)
3. : Lò đốt ở Kỳ Tân đã dừng hoạt động do rác thải được chuyển về xử lý tại nhà máy của Công ty TNHH MTV chế biến rác thải sinh hoạt Hoành Sơn; lò đốt ở Thạch Bằng đã dừng hoạt động do bị hư hỏng; lò đốt ở Đức Hòa (Bãi rác Phượng Thành) đã đừng hoạt động do không đảm bảo khoảng cách đến khu dân cư. [↑](#footnote-ref-3)
4. ở Phù Việt, Thạch Trị (Thạch Hà); Sơn Ninh (Hương Sơn); Hương Thủy, Phúc Trạch (Hương Khê); Xuân Yên-Xuân Hải (Nghi Xuân); Đức Hương (Vũ Quang) [↑](#footnote-ref-4)
5. : Bãi rác khu du lịch Xuân Thành, huyện Nghi Xuân; Bãi rác thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn; Bãi rác thị trấn Hương Khê, huyện Hương Khê và Bãi rác Phượng Thành, huyện Đức Thọ (điểm tập kết). [↑](#footnote-ref-5)
6. : Gồm 357 điểm đã xây dựng/429 điểm theo quy hoạch, trong đó có 250 điểm xây dựng theo quy hoạch và 107 điểm tự phát đã được xây dựng không đúng quy hoạch. [↑](#footnote-ref-6)